**BÀI 6.**

**TRUYỆN NGỤ NGÔN VÀ TỤC NGỮ**

**Thời gian thực hiện: 12 tiết**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực.**

**1. Năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.**

**1.1. Đọc**

- Năng lực đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại của truyện ngụ ngôn, tục ngữ.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật,...); nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học, ... ) của truyện ngụ ngôn.

- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ; vần, nhịp, hình ảnh…

- Nhận biết được đặc điểm và tác của biện pháp tu từ nói quá, nói giảm- nói tránh; biết vận dụng các biện pháp này vào đọc hiểu, viết, nói nghe có hiệu quả.

**1. 2. Viết**

- Viết được bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn.

**1.3. Nói**

- Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.

**Nghe**

- Tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

**Nói nghe tương tác**

- Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

- Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề gây tranh cãi; xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết.

**2. Năng lực chung:**

**- Tự chủ và tự học:** Tự giác thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân, tổ nhóm học tập liên quan đến bài học.

**- Giao tiếp và hợp tác**: Tích cực hợp tác với bạn trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập của tổ, nhóm;

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**II. Phẩm chất**

- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng,...

+ Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

**2. Học sinh**

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn và hướng dẫn

**- Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Đọc, Viết, Nói và Nghe, và thực hành bài tập SGK.

**C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

Trần Doan -0972881585; trường THCS Trần Hưng Đạo (Quảng Yên- Quảng Ninh).

**Tiết 73, 74: Đọc – hiểu văn bản**

**ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học**

- Năng lực đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại của truyện ngụ ngôn, tục ngữ.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật,...); nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học, ... ) của truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng.*

- Tự rút ra bài học, có thể mở rộng ra những bài học mới, liên hệ đến đời sống của bản thân và với các thành ngữ tương ứng.

**b. Năng lực chung:**

**- Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giái quyết vấn đề học tập của bạn thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng đọc truyện dân gian nhất là truyện ngụ ngôn, trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm hoc tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiệnnhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm.

**\* Giáo dục học sinh khuyết tật:** Hs biết đọc truyện và rút ra được một, hai bài học rút ra từ truyện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học**

- Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi)

**2. Học liệu:**

- SGK, tài liệu tham khảo

- Tư liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (5p)

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Cách 1:** GV cho HS xem phim hoạt hình về truyện ngụ ngôn *Chú gà trống kiêu căng*: [**https://youtu.be/\_9CRQ5qXrjo**](https://youtu.be/_9CRQ5qXrjo)



GV đặt câu hỏi:

*Câu chuyện trên mang đến cho em bài học nhận thức gì?*

**Cách 2: Câu hỏi 1: Em hãy chia sẻ với bạn về những điều em quan sát được khi nhìn bầu trời từ những vị trí khác nhau.**

Dự kiến câu trả lời:

– Từ vị trí khác nhau khi nhìn bầu trời, chúng ta quan sát được những điều thú vị:

+ Nếu từ mặt đất nhìn lên: Những đám mây luôn chuyển động với nhiều hình thù khác nhau. Những đàn chim chao liệng trên không trung. Hình ảnh những kinh khí cầu, diều lượn trong gió, chiếc máy bay khổng lồ hóa nhỏ bé.

+ Nếu được nhìn ngang tầm, trải nghiệm bay lên bầu trời chúng ta sẽ thấy được những làn mây bồng bềnh, trắng xóa như đang lướt qua những cuộn bông gòn mềm mại.

**Câu hỏi 2: Nhờ vào đâu mà em có kiến thức ấy?**

Dự kiến câu trả lời: Nhờ vào những trải nghiệm thực tế, quá trình quan sát, tìm hiểu để học hỏi về thế giới xung quanh...

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS xem, suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS suy nghĩ, trình bày, chia sẻ, trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn, nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào truyện ngụ ngôn, xâu chuỗi, dẫn vào bài.

Với cách 1: *Như các em đều biết, việc học của chúng ta không chỉ học những tri thức có ở nhà trường, mà còn cần không ngừng học hỏi những điều từ thế giới bao la rộng lớn và trong cuộc sống. Ở bài 6, các em sẽ được làm quen và tìm hiểu hai thể loại dân gian: truyện ngụ ngôn và tục ngữ. Trước hết, chúng ta cùng đi vào phần Giới thiệu bài học và Tri thức ngữ văn*

Với cách 2: *Các em ạ, từ trải nghiệm trên chúng ta đều thấy: Từ vị trí khác nhau, chúng ta quan sát được những điều thú vị. Khai thác từ góc nhìn như thế dưới cái nhìn của chú ếch nhỏ xíu, tác giả dân gian đã cho chúng ta một bài học vô cùng quý giá về cuốc sống. Bài học ấy là gì? Cô và các em sẽ được tìm hiểu ở văn bản “Ếch ngồi đáy giếng”- một câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (65p)**

**a. Mục tiêu:**

- Đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại của truyện ngụ ngôn, tục ngữ.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật,...); nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học, ... ) của truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng.*

- Tự rút ra bài học, có thể mở rộng ra những bài học mới, liên hệ đến đời sống của bản thân và với các thành ngữ tương ứng.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP 01**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đặc điểm truyện ngụ ngôn** |
| *Hình thức:* | …. |
| *Nhân vật:* | …. |
| *Bối cảnh* |  |
| *Nội dung, ý nghĩa:* | …. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV yêu cầu HS theo dõi SGK tr.3, đọc thầm phần *Kiến thức ngữ văn* và trình bày các thông tin đã chuẩn bị trong PHT  Nhóm 1: **Phiếu học tập 01.**  \*GV nêu câu hỏi:  Dựa vào tri thức em vừa tìm hiểu, hãy chia sẻ những truyện ngụ ngôn mà em đã từng đọc hoặc nghe kể.  Câu hỏi gợi ý để làm phiếu HT 1:  *- Truyện ngụ ngôn có thường có hình thức như thế nào?*  *- Truyện thường kể về những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính?*  *- Bối cảnh của truyện có gì độc đáo?*  *- Truyện ngụ ngôn đem đến cho người đọc điều gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân.(Hs khuyết tật)  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và chuẩn kiến thức:  *+ Ngụ: Hàm chứa ý kín đáo; Ngôn: Lời nói -> Ngụ ngôn là lời nói có ngụ ý, tức lời nói có ý kín đáo để người đọc, người nghe tự suy ra mà hiểu.*  + *Kho tàng TNN rất phong phú và đa dạng. Có những TNN dân gian, có TNN do các nhà văn sáng tác nên. Nổi tiếng thế giới có truyện ngụ ngôn Ê-dốp, La-phon-ten,… ở Việt Nam cũng có một kho TNN rất phong phú, đa dạng: “Rùa và thỏ, Hai chú dê qua cầu, Thầy bói xem voi,…”. Chứa đựng trong những câu chuyện ấy là bài học cuộc sống sâu sắc cho con người chúng ta. TNN thường ngắn, không có nhiều tình tiết, sự việc, chỉ tập trung vào* | *một hoặc vài chi tiết, kết thúc bất ngờ. Truyện thường dùng cách nói ẩn dụ, ngôn ngữ phóng đại, giàu hình ảnh để thể hiện nội dung.*  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu từ khó**  - GV hướng dẫn đọc:  + Đọc to, rõ, diễn cảm, pha chút diễu cợt.  + GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - Cho HS:  - Giải thích một số từ khó: *Chúa tể* | **I.Tìm hiểu chung:**  **1. Kiến thức ngữ văn: Truyện ngụ ngôn**  **- Hình thức:** Ngắn gọn, được viết bằng văn xuôi hoặc văn vần.Ngôn ngữ truyện giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước.  **- Nhân vật:** là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân cách hoá, có đặc điểm như con người.  - **Bối cảnh:** là khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật ngụ ngôn, nơi xảy ra sự kiện câu chuyện.  **- Nội dung:** mượn chuyện loài vật để kín đáo nói chuyện con người -> khuyên nhủ, răn dạy những bài học cho con người trong cuộc sống.  **2. Tác phẩm:**  **- Xuất xứ: -** *Theo* Nguyễn Xuân Kính (chủ biên), *Truyện ngụ ngôn người Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội năm 2014  **3. Hướng dẫn đọc:**  **a,Đọc, hiểu chú thích:** |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02: KỂ LẠI TRUYỆN BẰNG TRANH**  **Nhiệm vụ**:  Em hãy điền thông tin vào dưới những bức tranh sau đây để kể lại câu chuyện *Ếch ngồi đáy giếng:* |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| 1) HS kể lại truyện *Ếch ngồi đáy giếng* kết hợp với tranh (hoàn thành phiếu học tập số 02 )  *2) Đặc điểm hình thức truyện, bố cục: Phiếu học tập số 3*  *3) Tóm tắt tình huống, cốt truyện.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * Đại diện cặp đôi trả lời câu hỏi   **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **b,Đặc điểm thể loại: Truyện ngụ ngôn**   |  |  | | --- | --- | | **Tìm hiểu đặc điểm truyện *“****Ếch ngồi đáy giếng****”*** | **Trả lời** | | *Thể loại* | Truyện ngụ ngôn | | *Hình thức kể:* | văn xuôi | | *Nhân vật chính:* | Con ếch (loài vật) | | *Ngôi kể* | ngôi thứ ba | | *Bố cục* | 2 phần  - Phần 1 : Từ đầu → *vị chú tể* : Ếch khi ở trong giếng  - Phần 2 : Còn lại : Ếch khi ra khỏi giếng |   **\* Tình huống truyện**  Bị nước đẩy lên mặt đất, con ếch lâu năm ngồi đáy giếng vẫn vênh váo, tự phụ, xem bầu trời bằng cái vung và mình là chúa tể nên đã bị một con trâu dẫm bẹp ->tình huống bộc lộ tác hại vì sự ngộ nhận của bản thân. |

**Hoạt động: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu các chi tiết thể hiện tính cách nhân vật, bối cảnh của truyện và ý nghĩa của bối cảnh trong việc xây dựng tính cách nhân vật và ý nghĩa truyện *Ếch ngồi đáy giếng.*

- Thấy được những đăc sắc nghệ thuật trong việc xây nhân vật, bối cảnh truyện.

+ Rút ra được bài học của văn bản; tác động đối với tư tưởng, tình cảm của bản thân.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Bối cảnh của câu chuyện.*** | **Ếch khi ở trong đáy giếng** | **Ếch khi ra ngoài giếng** |
| *Môi trường* |  |  |
| *Suy nghĩ, nhận thức* |  |  |
| *Hành động, thái độ* |  |  |
| *Nhận xét/kết quả* |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | | |
| **Mục 1. Nhân vật con ếch.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **(PP Vấn đáp):**  *- Nhân vật chính trong truyện là nhân vật nào? Căn cứ vào đâu để em xác định đây là nhân vật chính?(Hs KT)*  *- Hãy nêu một số chi tiết trong truyện giúp em hiểu về tính cách của nhân vật ấy.*  *- Qua đó, nhân vật bộc lộ những nét tính cách như thế nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một số HS trả lời câu hỏi.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | | **1. Nhân vật con ếch**  - Nhân vật chính trong truyện là con ếch. Nhiều chi tiết trong truyện kể về cuộc sống, suy nghĩ, hành động…của nhân vật:  *+ “Cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ”.*  *+ “Cứ tiếng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể”.*  *+ “Khi ra ngoài, quen thói cũ, nghênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu ồm ộp”.*  => Tính cách của nhân vật: kiêu ngạo, huênh hoang, hống hách, coi mình là nhất, xem thường mọi sự vật, tự coi mình là vị chúa tể. |
| **Mục 2: Bối cảnh của câu chuyện**  **Nhiệm vụ 1: Phân tích bối cảnh truyện**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức, hướng dẫn HS trả lời câu hỏi theo nhóm **phiếu học tập số 04**  **Kĩ thuật Khăn trải bàn.**  GV giao cho 4 nhóm HS thảo luận, ghi ý kiến cá nhân sau đó ghi ý kiến chung của cả nhóm:    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời theo nhóm sau khi thống nhất các ý kiến riêng của các cá nhân trong nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cá nhân trả lời, HS khác nghe nhận xét, góp ý bổ sung hoàn thiện câu trả lời.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục  **Nhiệm vụ 2: Ý nghĩa của bối cảnh truyện:**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  (PP Vấn đáp, kĩ thuật động não):  *Bối cảnh câu chuyện trong văn bản “Ếch ngồi đáy giếng” đã giúp nhân vật bộc lộ tính cách và làm nổi vật ý nghĩa của truyện như thế nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời và làm việc theo ý kiến của riêng cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cá nhân trả lời; HS khác nghe, góp ý, bổ sung (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 3. | **2. Bối cảnh của câu chuyện:**  **\* Bối cảnh câu chuyện xoay quanh cuộc sống và suy nghĩ của ếch khi ở trong giếng và khi ra ngoài giếng.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bối cảnh câu chuyện** | **Ếch khi ở trong đáy giếng** | **Ếch khi ra ngoài giếng** | | **Hoàn cảnh sống** | “*sống lâu ngày trong một cái giếng”, “xung quanh chỉ vài con nhái, cua ốc nhỏ*”; tiếng kêu của ếch khiến các con vật kinh hãi.  =>Nhỏ bé, chật hẹp | sau một trận mưa to, nước trong giếng dềnh lên, tràn bờ, đưa ếch ta ra ngoài.Thay đổi (rộng lớn hơn)  ->Bị động do khách quan | | **Suy nghĩ, nhận thức** | Bầu trời bé bằng cái vung, ếch tưởng mình là một vị chúa tể | Chưa thay đổi, vẫn nghĩ mình là chúa tể | | **Hành động, thái độ** | Cất tiếng kêu ồm ộp, vang động làm các con vật trong giếng hoảng sợ | Nghênh ngang đi lại khắp nơi, cất tiếng kêu ồm ộp, nhâng nháo nhìn bầu trời. =>nhân hoá | | **Nhận xét/kết quả** | =>Môi trường hạn hẹp dẫn đến nông cạn, chủ quan, kiêu ngạo, ngộ nhận về mình | Bị con trâu dẫm bẹp.  =>Chủ quan kiêu ngạo sẽ phải trả giá đắt bằng tính mạng. |   **\* Ý nghĩa của bối cảnh truyện:**  **- Giúp nhân vật bộc lộ tính cách:**  + kiêu ngạo, huênh hoang, xem thường mọi vật.  + suy nghĩ thiển cận; cái nhìn hạn hẹp, không chịu mở mang hiểu biết của bản thân.  **- Làm nổi bật ý nghĩa của câu chuyện:**  + phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà tự cao tự đại, huênh hoang;  + khuyên nhủ mọi người phải nỗ lực không ngừng để mở rộng tầm nhìn và hiểu biết của bản thân, không được chủ quan, kiêu ngạo. | |
| **Mục 3: Bài học**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *Từ truyện này, em rút ra được bài học gì cho bản thân?*  **Kĩ thuật Think – Pair – Share** **B1: Think (Nghĩ):** HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên ý tưởng của mình. **B2: Pair (Bắt cặp):** HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có.  **B3:** **Share (Chia sẻ):** HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn hoặc chia sẻ trước lớp.  (Ảnh: Let's Discover the Doors of Knowledge - WordPress.com)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết luận**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | **3. Bài học**  - Không được chủ quan, kiêu ngạo, coi thường những đối tượng xung quanh. Sự thiếu hiểu biết kết hợp với thói kiêu ngạo, huênh hoang không chỉ dạn nứt những mối quan hệ tốt đẹp mà còn dễ dẫn đến thất bại cho bản thân, thậm chí có thể trả giá bằng cả tình mạng.  - Nếu không biết tường tận, thấu đáo về sự vật, hiện tượng hay một vấn đề nào đó thì không nên đáng giá chủ quan, hồ đồ.  - Thế giới vốn rất rộng lớn, phong phú và nhiều điều bí ẩn mà dù cả đời vẫn chưa chắc đã tìm hiểu, khám phá được hết. Do đó để mở mang vốn hiểu biết của bản thân, chúng ta cần khiêm tốn, học hỏi không ngừng. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  *1) Khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của truyện “Ếch ngồi đáy giếng”.*  *2) Rút ra cách đọc hiểu truyện ngụ ngôn.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết luận**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại. | **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Xây dựng nhân vật hết sức gần gũi với đời sống.  - Các sự kiện hài hước, độc đáo khiến câu chuyện trở nên hấp dẫn, lôi cuốn.  - Tạo bối cảnh câu chuyện độc đáo.  - Kết cấu ngắn gọn, dễ hiểu, ý nghĩa sâu sắc.  **2. Nội dung:**  Văn bản *Ếch ngồi đáy giếng* đem đến bài học về cách sống cho mỗi người: không nên chủ quan, kiêu ngạo coi thường người khác, cố chấp, suy nghĩ thiển cận, không chịu mở mang nhận thức của bản thân.  **3. Cách đọc hiểu truyện ngụ ngôn:**  - Đọc kĩ văn bản để xác định được các sự kiện chính của truyện được kể.  - Nhận diện hình tượng nhân vật chính;  - Đi sâu tìm hiểu lai lịch, hoàn cảnh, hình dáng, cử chỉ, hoạt động, lời nói, ý nghĩ,…của các nhân vật được thể hiện trong truyện.  - Phát hiện bài học mà truyện muốn gửi gắm  - Liên hệ, rút ra bài học có ý nghĩa cho bản thân. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10p)**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi; tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Nhiệm vụ 1**: **Trắc nghiệm củng cố**

GV tổ chức trò chơi *Hái táo may mắn*

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ.**

**GV phổ biến luật chơi: Một quả táo trên cây tương đương với một câu hỏi trắc nghiệm. HS trả lời đúng thì quả táo sẽ rơi xuống và đạt được điểm tốt của GV.**

**Gợi ý nhóm câu hỏi:**

**Câu 1. Thế nào là truyện ngụ ngôn?**

1. Là truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.
2. **Là truyện thông qua việc mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc chính con người để nói bóng gió chuyện con người.**
3. Là truyện có ý nghĩa răn dạy con người những đạo lí của cuộc sống.
4. Là truyện chứa đựng nhiều yếu tố hoang đường, li kì, giống như truyện cổ tích.

**Câu 2. Mục đích của truyện ngụ ngôn là gì?**

A. Phản ánh cuộc sống.

B. Tố cáo xã hội.

**C. Khuyên nhủ, răn dạy con người**

D. Gây cười.

**Câu 3. Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* thuộc thể loại nào sau đây:**

1. Truyện cổ tích
2. Truyện cười
3. **Truyện ngụ ngôn**
4. Truyền thuyết

**Câu 4: Trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng*, con ếch sống trong một cái giếng nhỏ, chung quanh nó toàn là những con vật yếu đuối, điều này làm ếch có suy nghĩ thế nào?**

1. Ếch tưởng trong thế giới này chỉ có những con vật nhỏ hơn nó.
2. Ếch cho rằng cái giếng là nơi sâu nhất.
3. **Ếch tưởng bầu trời nhỏ bé bằng cái vung và nó là một vị chúa tể.**
4. Ếch nghĩ nó không có bà con, họ hàng.

**Câu 5:** T**rong truyện *Ếch ngồi đáy giếng*, chúng ta thấy ếch là kẻ thế nào?**

1. Hiểu biết hạn hẹp
2. Hoà đồng với các loài vật xung quanh
3. **Hiểu biết nông cạn, kiêu ngạo**
4. Hiểu biết hạn hẹp nhưng sống thân thiện.

**Câu 6: Nét nghệ thuật của truyện *Ếch ngồi đáy giếng* là:**

1. Xây dựng hình tượng gần gũi với đời sống.
2. Cách nói bằng ngụ ngôn, giáo huấn tự nhiên, đặc sắc.
3. Cách kể bất ngờ hài hước, kín đáo.
4. **Tất cả các đáp án trên**

**Câu 7. Hậu quả của thái độ tự cao, tự đại của ếch là gì?**

A. Ếch bị các con vật trên bờ cách li và phải trở về giếng cũ.

B. Ếch bị một con voi giẫm chết,

C. Ếch bị con người bắt và ăn thịt.

**D. Ếch bị một con trâu đi qua giẫm cho bẹp.**

**Câu 8. Truyện Ếch ngồi đáy giếng phê phán điều gì?**

1. Phê phán những kẻ ỷ quyền thế bắt nạt người khác.
2. **Phê phán những người hiểu biết nông cạn mà thường tỏ ra huênh hoang, tự cho mình là nhất.**
3. Phê phán những người thích khoa trương, cho mình là giàu có.
4. Phê phán những kẻ tham lam, độc ác, thích bòn rút của người khác.

**Câu 9. Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* khuyên chúng ta điều gì?**

**A. Phải biết cố gắng học tập, không ngừng mở rộng tầm hiểu biết của bản thân, không được chủ quan, kiêu ngạo.**

B. Phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.

C. Phải biết lượng sức mình, không nên làm những việc vô nghĩa.

D. Phải biết tránh xa những thói hư, tật xấu.

**Câu 10. Thành ngữ *Ếch ngồi đáy giếng* thường được dùng chỉ điều gì?**

**A.** Những người quanh năm sống một chỗ, không đi đến nơi nào khác.

B. Những người không có gì nhưng lại thích khoe khoang.

C**. Những người có hiểu biết nông cạn nhưng lại luôn cho mình là người hiểu biết.**

C. Những người có vốn sống dồi dào nhưng không biết trau dồi bản thân.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

GV lần lượt đọc câu hỏi. HS tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (5p)**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện.**

**Cách 1: Thu hoạch qua sưu tầm và vận dụng ngoài giờ học**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ.**

? Sưu tầm một số văn bản truyện ngụ ngôn và tranh ảnh hoạt hình minh hoạ cho các truyện ngụ ngôn? Bài học rút ra từ truyện ngụ ngôn đó?

**HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

+ Nghe yêu cầu

+ HS ghi chép kết quả sưu tầm của mình theo mẫu bảng tổng hợp vào sổ tay “Năng nhặt chặt bị”.

**SỔ TAY “NĂNG NHẶT CHẶT BỊ” – BÀI HỌC CUỘC SỐNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên truyện sưu tầm được** | **Tranh ảnh, tư liệu liên quan** | **Bài học cuộc sống được rút ra** |
| 1 | *Ve và kiến* (bản dịch thơ của Nguyễn Văn Vĩnh) | Phim hoạt hình *Ve và kiến*; một số bản dịch khác. | - Làm việc gì cũng phải có kế hoạch và kiên trì thực hiện kế hoạch đó.  - Chăm chỉ, cần cù, biết tiết kiệm lo xa cho tương lai phòng khi ốm đau, bệnh tật, già yếu |
| 2 | …….. |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Gv quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày kết quả (có thể sử dụng thêm các hình ảnh nếu cần).

**-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

**Hướng dẫn học ở nhà**:(5p)

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.

- Chuẩn bị: đọc, tìm hiểu về văn bản “*Đẽo cày giữa đường”* (đọc văn bản, trả lời câu hỏi trong SGK)

**:****PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu đặc điểm truyện “*Đẽo cày giữa đường”*** | **Trả lời** |
| *Thể loại* | …. |
| *Hình thức kể:* | …. |
| *Nhân vật chính:* | …. |
| *Ngôi kể* | …. |
| *Bố cục* | **….** |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

*(Tìm hiểu những lần góp ý và phản ứng của người thợ mộc)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Người góp ý*** | ***Nội dung góp ý*** | **Cử chỉ, hành động, ý nghĩ của người thợ mộc** |
| Thứ nhất:… | … | … |
| Thứ hai:… | … | … |
| Thứ ba:… | … | … |
| Kết quả của việc đẽo cày | ….. | |

**Tiết 75: Đọc hiểu văn bản:**

**ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG**

**(Truyện ngụ ngôn Việt Nam)**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, sự kiện, chủ đề;

- Nhận biết được thông điệp, bài học mà VB muốn gửi đến bạn đọc;

- Tự rút ra bài học, có thể mở rộng ra những bài học mới, liên hệ đến đời sống của bản thân và với các thành ngữ tương ứng.

**1.2. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc theo dõi bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.

**2*.* Phẩm chất**

- Bồi dưỡng khả năng nhận thức về các vấn đề của cuộc sống để trưởng thành.

**\* Giáo dục học sinh khuyết tật:** Hs biết đọc truyện và rút ra được một, hai bài học rút ra từ truyện.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**- Học liệu: KHBD,** Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

- Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5P)**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối,tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân qua trò chơi *Thử tài của bạn*

**c. Sản phẩm:** Phần ghép tiếng của HS theo hình ảnh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV có thể kết hợp nhiều cách:

**\*Cách 1:** Khơi gợi vấn đề cho HS trình bày:

**Câu 1:***Kể một câu chuyện (em đọc được, nghe được hoặc tự mình trải qua) đã để lại cho em bài học sâu sắc. Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện?*

**\*Cách 2: Trò chơi: Thử tài của bạn**

GV cho HS xem video câu chuyện “*Đẽo cày giữa đường”* theo đường link https://youtu.be/6EVzduQne5o (Tắt tiếng của video)

và nêu câu hỏi:

*Quan sát video, dựa vào sự chuẩn bị phần đọc văn bản ở nhà, em hãy đóng vai các diễn viên và thử lồng tiếng cho bộ phim hoạt hình trên.*

(**Gợi ý đáp án:** Kể theo VB 2 bài 6 SGK tập 2 trang 6)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nhìn hình và kể theo hình ảnh.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chia sẻ, trình bày cởi mở,

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**-** GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hình ảnh và lời kể chuyện của HS xem đã phù hợp chưa. Khen thưởng cho những em nhớ được truyện và có đọc truyện nhiều lần, nhớ tình tiết truyện, có giọng kể truyền cảm.

**\*GV dẫn vào bài:** *Các em ạ, mỗi câu chuyện ngụ ngôn đều mang đến những thông điệp, bài học, những giá trị đạo đức vô cùng đáng quý, giúp ta có nhận thức đúng đắn và phát huy tư duy để trưởng thành. Mỗi câu chuyện trong bài học hôm nay sẽ mang đến cho chúng ta một nhận thức sâu sắc về cuộc sống. Truyện ngụ ngôn “Đẽo cày giữa đường” sẽ mang đến cho chúng ta bài học thú vị gì?*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30P)**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, sự kiện, chủ đề;

- Nhận biết được thông điệp, bài học mà VB muốn gửi đến bạn đọc;

- Tự rút ra bài học, có thể mở rộng ra những bài học mới, liên hệ đến đời sống của bản thân và với các thành ngữ tương ứng.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

**c. Sản phẩm:** PHT, Bài đọc – kể, giọng đọc, những suy luận và dự đoán của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu đặc điểm truyện “*Đẽo cày giữa đường”*** | **Trả lời** |
| *Thể loại* | …. |
| *Hình thức kể:* | …. |
| *Nhân vật chính:* | …. |
| *Ngôi kể* | …. |
| *Bố cục* | **….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Tìm hiểu chung:** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn đọc:  + Đọc to, rõ, diễn cảm, pha chút diễu cợt.  + GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - Cho HS:  1) Giải thích một số từ khó: *phá hoang, đi đời nhà ma.*  *- Nêu xuất xứ truyện.*  *2) Đặc điểm hình thức truyện, bố cục: Phiếu học tập số 1*  *3) Tóm tắt tình huống, cốt truyện.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * Đại diện cặp đôi trả lời câu hỏi   **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV chuyển dẫn sang mục 2. | **1.Tác phẩm:**  **-** *Theo* Nguyễn Xuân Kính (chủ biên), *Truyện ngụ ngôn người Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội năm 2014  **2. Hướng dẫn đọc:**  **\* Đọc – hiểu chú thích:**  **\*** **Đặc điểm thể loại:**   |  |  | | --- | --- | | **Tìm hiểu đặc điểm truyện “*Đẽo cày giữa đường”*** | **Trả lời** | | *Thể loại* | Truyện ngụ ngôn | | *Hình thức kể:* | văn xuôi | | *Nhân vật chính:* | người thợ mộc | | *Ngôi kể* | ngôi thứ ba | | *Bố cục* | 3 phần  + Phần 1 (Đoạn 1): Bối cảnh của truyện.  + Phần 2 (Đoạn 2): Những lần góp ý và phản ứng của người thợ mộc.  + Phần 3 (Đoạn 3): Kết quả của việc đẽo cày giữa đường. |   **\* Tóm tắt tình huống, cốt truyện:**  - Một người thợ mộc bỏ hết vốn liếng mua gỗ về đề đẽo cày bán..  - Mỗi lần có khách ghé vào và góp ý về việc đẽo cày, anh ta đều làm theo.  - Cuối cùng, chẳng có ai đến mua cày, bao nhiêu vốn liếng đi sạch. |

**Hoạt động: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS phát triển kĩ năng đọc VB truyện ngụ ngôn, nhận biết hiểu được nhân vật, chi tiết, cốt truyện, và rút ra bài học ý nghĩa, cách ứng xử của bản thân.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

*(Tìm hiểu những lần góp ý và phản ứng của người thợ mộc)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Người góp ý*** | ***Nội dung góp ý*** | **Cử chỉ, hành động, ý nghĩ của người thợ mộc** |
| Thứ nhất:… | … | … |
| Thứ hai:… | … | … |
| Thứ ba:… | … | … |
| Kết quả của việc đẽo cày | ….. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về hoàn cảnh của người thợ mộc**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức, hướng dẫn HS trả lời câu hỏi cá nhân.  *Nêu bối cảnh của câu chuyện “Đẽo cày giữa đường”(Câu chuyện lấy bối cảnh trong không gian ở đâu và trong thời gian nào)?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cá nhân trả lời, HS khác nghe nhận xét, góp ý bổ sung hoàn thiện câu trả lời.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục  **Nhiệm vụ 2: Những lần góp ý và phản ứng của người thợ mộc**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Thảo luận nhóm Mảnh ghép:  **Vòng 1:** Hoàn thành Phiếu học tập 02 theo 04 nhóm: (5 phút)  - GV tổ chức, hướng dẫn HS trả lời câu hỏi; chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ; thảo luận theo nhóm  *+ Có mấy người góp ý về việc đẽo cày?*  *+ Nêu những nội dung góp ý.*  *+ Trước những lời góp ý về việc đẽo cày, người thợ mộc đã có những hành động như thế nào?*  *+ Người thợ mộc đã phải chịu hậu quả như thế nào?*  **Vòng 2:** GV chia nhóm mới – nhóm mảnh ghép. (05 phút)  - Chia sẻ kết quả vòng chuyên gia  - Thảo luận trả lời câu hỏi:  *1) Vì sao người thợ mộc lại phải chịu hậu quả: “Vốn liếng đi đời nhà ma.”?*  *2)**Nếu là người thợ mộc trong câu chuyện này, em sẽ làm gì trước những lời khuyên như vậy?*  (Gợi ý: Em sẽ cảm ơn những người đã cho lời khuyên. Sau đó tự mình tìm hiểu, suy xét kĩ về loại cày mà mọi người hay sử dụng và loại cày nào sẽ dễ dàng để bán).  - GV nêu câu hỏi phụ gợi ý:  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời và làm việc theo nhóm, thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cá nhân trả lời; cử nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm Phiếu HT.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 3. | **1. Hoàn cảnh của người thợ mộc**  - Người thợ mộc dốc hết vốn liếng ra để mua gỗ để làm nghề đẽo cày => là sự kiện chính của câu chuyện.  - Bối cảnh truyện:  + Không gian: Bên vệ đường, nơi có nhiều người qua lại.  + Thời gian: cụ thể: “*Một hôm”, “mấy hôm sau”.*  **2. Những lần góp ý và hành động của người thợ mộc**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Người góp ý** | **Nội dung góp ý** | **Cử chỉ, hành động, ý nghĩ của người thợ mộc** | | Thứ 1 | - Phải đẽo cày cho cao, cho to thì mới dễ cày. | - Cho là phải\_  -> đẽo.  ->cày vừa to vừa cao. | | Thứ 2 | - Đẽo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới dễ cày. | - Cho là “có lí” (là phải), ->liền đẽo.  ->cày vừa nhỏ, vừa thấp. | | Thứ 3 | - Đẽo cày cho thật cao, thật to gấp đôi, gấp ba để voi cày được. | - Nghe nói được nhiều lãi,  ->Đẽo hết số gỗ còn lại loại cày để voi cày | | Kết quả: Chẳng ai đến mua, gỗ hỏng hết, vốn liếng đi sạch. | | |   **- Đặc điểm tính cách nhân vật người thợ mộc:**  - Hành động của nhân vật: Mỗi người góp một ý, anh thợ mộc **đều làm theo một cách mù quáng,** mà **không có chính kiến** để cân nhắc, xem xét những ý kiến đó có đúng hay phù hợp với công việc của mình như thế nào.  =>Đặc điểm nhân vật:  + Thiếu kiến thức.  + Dễ thay đổi, không có chủ kiến, không có lập trường, suy nghĩ không chín chắn.  + Không biết kết hợp giữa ý kiến góp ý của mọi người với suy nghĩ của chính mình để cân nhắc, lựa chọn.  =>Hậu quả: *“Vốn liếng đi đời nhà ma.”* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Thảo luận nhóm 3 phút: kĩ thuật khăn trải bàn.**  - GV giao cho 4 nhóm HS thảo luận, ghi ý kiến cá nhân sau đó ghi ý kiến chung của cả nhóm:  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *1) Từ truyện này, em rút ra được bài học gì cho bản thân?*  *2) Ý nghĩa chính của thành ngữ“Đẽo cày giữa đường” là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết luận**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức:  *Những người làm việc nhưng không có chính kiến riêng của bản thân, chuyên nghe người khác nói rồi tin và làm theo, cuối cùng không đạt được kết quả như mong đợi.+ Cần có chính kiến riêng; cần phải có ý thức tiếp thu, lắng nghe ý kiến của người khác nhưng phải biết chọn lọc, không làm theo một cách thiếu hiểu biết, mù quáng...* | **3. Bài học**  **\* Bài học từ câu chuyện:**  - Câu chuyện muốn khuyên nhủ mọi người biết giữ lập trường, quan điểm vững vàng, kiên định và bền chí để đạt được mục tiêu của mình.  - Khi đứng trước một quyết định của bản thân, chúng ta không nên dao động trước ý kiến của người khác. Cần phải biết lắng nghe, nhưng nghe một cách chọn lọc, có cân nhắc, có suy nghĩ đúng đắn.  **\* Ý nghĩa chính của thành ngữ***“Đẽo cày giữa đường”:* hàm ý chê bai người không có lập trường, chính kiến của bản thân,, luôn thay đổi theo ý kiến của người khác, cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  *1) Khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của truyện “Đẽo cày giữa đường”.*  *2) Rút ra cách đọc hiểu truyện ngụ ngôn.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết luận**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại.  **GV lưu ý HS về cách đọc hiểu truyện ngụ ngôn:**  - Đọc kĩ văn bản để xác định chủ đề của truyện;  - Nhận diện hình tượng nhân vật chính;  - Phân tích đặc điểm nhân vật, các sự việc tiêu biểu, tình huống truyện để từ đó lĩnh hội tư tưởng, thông điệp được gửi gắm qua Vb, đánh giá được bài học nhận thức, luân lí ngụ ý trong truyện.  - Liên hệ, rút ra bài học có ý nghĩa cho bản thân. | **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Cách xây dựng nhân vật: gần gũi, sống động thông qua nhiều phương diện như ý nghĩ, hành động, việc làm.  - Tạo bối cảnh câu chuyện độc đáo.  - Các tình tiết truyện sắp xếp hợp lí, mức độ gay cấn tăng dần, tạo sức lôi cuốn.  - Kết cấu ngắn gọn, dễ hiểu, ý nghĩa sâu sắc.  - Cách kể bất ngờ hài hước, kín đáo.  **2. Nội dung:**  - Mượn câu chuyện về người thợ mộc để ám chỉ những người thiếu chủ kiến khi làm việc và không suy xét kĩ khi nghe người khác góp ý. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5p)**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS củng cố nội dung của 2VB.

**b. Nội dung**: HS dựa vào nội dung đã tìm hiểu để trả lời.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm để tìm câu trả lời.

**BÀI TẬP:** Chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau của 3 VB truyện ngụ ngôn bằng cách hoàn thành bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **So sánh** | **Nội dung** |
| *Giống* |  |
| *Khác* | *+ "Đẽo cày giữa đường":* |
| *+ "Ếch ngồi đáy giếng":* |

\*GỢI Ý ĐÁP ÁN:

|  |  |
| --- | --- |
| **So sánh** | **Nội dung** |
| *Giống* | Đều là những kinh nghiệm quý báu, những đạo lí làm người đúng đắn mà mỗi cá nhân cần học hỏi khi sống trong xã hội. |
| *Khác* | + "*Đẽo cày giữa đường":* khuyên nhủ con người cần phải có hiểu biết và chính kiến, không được mù quáng. |
| + "*Ếch ngồi đáy giếng":* Phê phán thói huênh hoang, khuyên nhủ con người phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết, không được chủ quan, kiêu ngạo. |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* Đại diện nhóm HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**-** GV nhận xét câu trả lời của HS.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5p)**

**a. Mục tiêu**:HS vận dụng kiến thức bài học trình bày hiểu biết về bài học rút ra từ câu chuyện.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kĩ năng viết đoạn để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

**\*VIẾT KẾT NỐI ĐỌC**

**Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) có sử dụng thành ngữ "đẽo cày giữa đường" hoặc "ếch ngồi đáy giếng".**

Đoạn văn cần đáp ứng các yêu cầu:

* ***Về nội dung:*** Trình bày được một nội dung hoàn chỉnh có liên quan trực tiếp đến thành ngữ "đẽo cày giữa đường".
* ***Về hình thức:*** Viết đoạn văn đủ số câu theo yêu cầu. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, đảm bảo sự liền mạch. Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ. Trong đoạn, phải có thành ngữ "đẽo cày giữa đường" được sử dụng một cách phù hợp.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ theo đúng yêu cầu các nhiệm vụ, sau đó chỉnh sửa.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi HS lên trình bày.

-HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

**ĐOẠN VĂN THAM KHẢO**

Có một lần, em và mẹ đi chợ để chọn những chiếc váy xòe xếp li cho em. Những chiếc váy có rất nhiều màu sắc: nào là màu hồng, màu xanh, màu đỏ,... Em chỉ được chọn hai chiếc nên phân vân mãi. Cô bán hàng thì bảo em chọn một cái màu đỏ và một cái màu xanh. Một chị cũng đến chọn váy bảo, em nên chọn cái màu be và màu hồng. Mỗi người một ý, em không biết phải nghe theo ai. Mẹ đã bảo em đừng như đẽo cày giữa đường, phải có chính kiến của mình. Vậy là em đã chọn được hai chiếc váy mà mình thích, chúng có màu hồng và màu xanh.

**Bảng kiểm**

**Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu. |  |  |
| **2** | Đoạn văn có một chủ đề nhất định, có sử dụng thành ngữ "đẽo cày giữa đường" |  |  |
| **3** | Lí lẽ dẫn chứng thuyết phục. |  |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  |
| **5** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (3P)**

- Hoàn thiện các đơn vị kiến thức và nhiệm vụ của bài học.

- Tìm đọc thêm các truyện ngụ ngôn của *Ê-dốp; Ngụ ngôn Việt Nam và thế giới; Trang Tử và Nam Hoa Kinh....*

- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu văn bản 3: Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội.

**PHIẾU HỌC TẬP 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Đặc điểm của tục ngữ, thành ngữ.** | |
| Tục ngữ | Thành ngữ |
| Ví dụ |  |  |
| Cấu tạo |  |  |
| Nội dung, ý nghĩa |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP 02**

(Tìm hiểu hình thức tục ngữ)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Số tiếng | Gieo vần | | Nhịp |
| Vần lưng | Vần cách |  |
| *1. Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa.* | 8 | *nắng, vắng* |  | 4/4 |
| *2. Mưa tháng Ba hoa đất,*  *Mưa tháng Tư hư đất.* |  |  |  |  |
| *3. Nhất nước, nhị phân, tam cần, tứ giống.* |  |  |  |  |
| *4. Tấc đất, tấc vàng.* |  |  |  |  |
| *5. Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.* |  |  |  |  |
| *6. Cái răng, cái tóc là góc con người.* |  |  |  |  |
| *7. Một mặt người bằng mười mặt của.* |  |  |  |  |
| *8. Thương người như thể thương thân.* |  |  |  |  |
| *9. Một cây làm chẳng nên non*  *Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.* |  |  |  |  |
| *10. Học ăn, học nói, học gói, học mở.* |  |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP 03**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu tục ngữ số….** | |
| Nội dung |  |
| Nghệ thuật |  |
| Bài học |  |

**Tiết 76,77**: Đọc hiểu văn bản

**TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN, LAO ĐỘNG VÀ CON NGƯỜI, XÃ HỘI**

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù:** Giúp HS

- Về hình thức, tục ngữ thường ngắn gọn, cô đúc; phẩn lớn có vần điệu; nhịp nhàng, cần đối; hoàn chỉnh về ngữ pháp.

- Về nội dung, tục ngữ thường đúc kết kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, về ứng xử trong cuộc sống.

- Vai trò của tục ngữ trong văn học, đời sống và trong giao tiếp xã hội: mặc dù có quy mô nhỏ, nhưng tục ngữ vẫn tồn tại với tư cách là một loại sáng tác ngôn từ dân gian, vị trí ngang hàng giữa tục ngữ với các loại sáng tác ngôn từ dân gian khác như ca dao, vè,... Từ đó, các em có khả năng đọc hiểu những câu tục ngữ lưu truyền trong đời sống, biết vận dụng tục ngữ trong một số tình huống giao tiếp.

**1.2. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập.

**2*.* Phẩm chất**

- Cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước, yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền và những kinh nghiệm, trí tuệ, cách ứng xử dân gian.

**\* Giáo dục học sinh khuyết tật:** Hs biết được ý nghĩa một vài câu tục ngữ của chủ đề

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Học liệu: KHBD, Các hình ảnh, video liên quan (nếu có)

- Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5p)**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối,tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS trao đổi nhóm, sưu tầm được nhiều câu tục ngữ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về tục ngữ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nêu vấn đề cho HS trao đổi thảo luận, suy nghĩ và trình bày (GV khơi gợi để HS nói được những nội dung có thể kết nối với VB đọc):

GV tổ chức cuộc thi cho HS: Chia lớp thành 2 nhóm. Tổ chức trò chơi: TIẾP SỨC

Bằng cách trong 3 phút, nhóm nào viết được nhiều câu tục ngữ hơn nhóm đó sẽ chiến thắng.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện nhóm sẽ đọc những câu tục ngữ nhóm mình viết được.

- GV chú ý hướng dẫn HS công bố kết quả thảo luận, nhóm nào viết được nhiều sẽ dành phần thắng.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**-** GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**- GV dẫn vào bài:** *Tục ngữ được nhân dân ta lưu truyền trong đời sống từ bao đời nay. Giống như một kho tàng trí tuệ dân gian vô cùng quý giá, việc sử dụng tục ngữ đã giúp cho lời ăn tiếng nói thêm sâu sắc, sinh động, có tính biểu cảm cao. Để hiểu rõ hơn về tục ngữ, hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu văn bản: Tục ngữ về thiên nhiên, lao động, con người và xã hội.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (70P)**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu về văn bản: Về hình thức, tục ngữ thường ngắn gọn, cô đúc; phẩn lớn có vần điệu; nhịp nhàng, cần đối; hoàn chỉnh về ngữ pháp.

- Về nội dung, tục ngữ thường đúc kết kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, về ứng xử trong cuộc sống.

- Vai trò của tục ngữ trong văn học, đời sống và trong giao tiếp xã hội: mặc dù có quy mô nhỏ, nhưng tục ngữ vẫn tồn tại với tư cách là một loại sáng tác ngôn từ dân gian, vị trí ngang hàng giữa tục ngữ với các loại sáng tác ngôn từ dân gian khác như ca dao, vè,... Từ đó, các em có khả năng đọc hiểu những câu tục ngữ lưu truyền trong đời sống, biết vận dụng tục ngữ trong một số tình huống giao tiếp.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu chủ đề,

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, nhóm trình bày được các nội dung liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I . Tìm hiểu chung:** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV yêu cầu HS đọc VB:  + Chú ý đọc tách bạch từng câu, ở mỗi câu, nhịp điệu phải rành mạch, chậm giãi, âm lượng vừa phải, dễ nghe; chú ý vần lưng, ngắt nhịp ở về đối trong các câu hoặc phép đối giữa hai câu.  + Trong quá trình đọc, các em cần chú ý các thẻ chiến lược đọc bên phải để nhận diện nhanh các chủ đề và đặc điểm chung về hình thức (số dòng, số tiếng, nhịp, vần) của các câu tục ngữ.  + Chú ý phần chú thích ở chân trang.  + Gọi một vài HS lần lượt đọc thành tiếng VB. (đọc 2 đến 3 lần)  \*GV yêu cầu HS tìm hiểu và giải thích các từ ngữ khó trong SGK.  \*GV nêu câu hỏi trong đọc:  *1) Những chủ đề được thể hiện qua các câu tục ngữ.*  *2) Nét chung nhất về hình thức của các câu tục ngữ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\*** GV yêu cầu hs nêu đặc điểm thể loại  - Hs trình bày qua phần chuẩn bị ở PHT số 1  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. | **1. Kiến thức ngữ văn:**  **a. Thể loại: Tục ngữ, thành ngữ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Đặc điểm của tục ngữ, thành ngữ.** | | | Tục ngữ | Thành ngữ | | Ví dụ | -  *Nắng chóng trưa, mưa chóng tối.*  - *Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng;* | *- Đẽo cày giữa đường*  *- Rán sành ra mỡ* | | Cấu tạo | Một câu nói ngắn gọn, hàm súc, có vần điệu, có hình ảnh. | Chưa thành câu, mà là những cụm từ ngắn gọn, có vần điệu, hình ảnh. | | Nội dung, ý nghĩa | Nhằm đúc kết kinh nghiệm về thế giới tự nhiên, con người. | Giúp lời ăn tiếng nói sinh động, có tính biểu cảm cao. |   **b. Chủ đề:**  **- Tục ngữ** đúc kết kinh nghiệm về thiên nhiên, lao động sản xuất (câu 1 đến câu 5)  - Tục ngữ đúc kết kinh nghiệm về đời sống con người và xã hội (câu 6 đến câu 10).  **c. Hình thức:** ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, có vần điệu, có hình ảnh.  **2. Tác phẩm:**  **- Xuất xứ:**  **3. Hướng dẫn đọc:**  **a,Đọc - hiểu chú thích:**  **b,Đặc điểm thể loại:**  \* Chủ đề:  **- Tục ngữ** đúc kết kinh nghiệm về thiên nhiên, lao động sản xuất (câu 1 đến câu 5)  - Tục ngữ đúc kết kinh nghiệm về đời sống con người và xã hội (câu 6 đến câu 10).  \*Hình thức: ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, có vần điệu, có hình ảnh. |

**Hoạt động: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS tìm hiểu đặc sắc về hình thức và nội dung, ý nghĩa, bài học của các câu tục ngữ; rút ra đặc điểm của tục ngữ.

- Bồi dưỡng cho các em tình yêu, sự trân trọng những kinh nghiệm và lời khuyên dạy sâu sắc của dân gian.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB qua phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP 02**

(Tìm hiểu hình thức tục ngữ)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Số tiếng | Gieo vần | | Nhịp |
| Vần lưng | Vần cách |  |
| *1. Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa.* | 8 | *nắng, vắng* |  | 4/4 |
| *2. Mưa tháng Ba hoa đất,*  *Mưa tháng Tư hư đất.* |  |  |  |  |
| *3. Nhất nước, nhị phân, tam cần, tứ giống.* |  |  |  |  |
| *4. Tấc đất, tấc vàng.* |  |  |  |  |
| *5. Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.* |  |  |  |  |
| *6. Cái răng, cái tóc là góc con người.* |  |  |  |  |
| *7. Một mặt người bằng mười mặt của.* |  |  |  |  |
| *8. Thương người như thể thương thân.* |  |  |  |  |
| *9. Một cây làm chẳng nên non*  *Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.* |  |  |  |  |
| *10. Học ăn, học nói, học gói, học mở.* |  |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP 03**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu tục ngữ số….** | |
| Nội dung |  |
| Nghệ thuật |  |
| Bài học |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thầm các câu tục ngữ và thảo luận nhóm (cặp bàn) các câu hỏi theo **Phiếu học tập số 1**:  *1) Nhận xét về số lượng tiếng, vần, nhịp…của các câu tục ngữ trong văn bản. Từ đó, đưa ra nhận xét chung* về hình thức của tục ngữ.  Gợi ý cụ thể:  - Em đếm số tiếng trong mỗi câu.  - *Trong 10 câu tục ngữ ở trên, những câu nào có gieo vần? Việc gieo vần như vậy có tác dụng gì?*  *2) Từ việc tìm hiểu ở trên em hãy rút ra nhận xét: Tục ngữ là loại sáng tác như thế nào? Do ai sáng tác? Chúng có đặc điểm hình thức ra sao?* (Theo dõi những đặc điểm vừa phân tích ở trên; tham khảo *Kiến thức Ngữ văn* SGK tr.3)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của một số cặp tiêu biểu, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2. | **1. Đặc điểm hình thức**  **1.1. Số tiếng:**  - Mỗi câu tục ngữ có số lượng tiếng không nhiều. Có câu chỉ có 6 đến 8 tiếng, có câu chỉ có 4 tiếng.  - Nhận xét chung: thể hiện sự đúc kết cô đọng, hàm súc, dễ nhớ.  **1.2. Gieo vần, nhịp:**  Tất cả 10 câu tục ngữ đều gieo vần lưng hoặc vần cách. Cụ thể:  **1.** *Mau sao thì* **nắng, vắng** *sao thì mưa.* **(**vần lưng **“nắng, vắng”,** nhịp 4/4).  **2.** Mưa tháng **Ba hoa** đất,  *Mưa tháng* **Tư hư** *đất.*  **(**vần lưng “**Ba, hoa”, “Tư, hư**”, nhịp 4/4).  **3.** Nhất nước, nhị **phân,** tam **cần,** tứ giống**.**  **(**vần cách **“phân, cần”,** nhịp 2/2/2/2).  **4. Tấc** *đất,* **tấc** *vàng***. (**vần cách **“Tấc, tấc”**, nhịp 2/2).  **5.** *Nuôi lợn ăn cơm* **nằm***, nuôi* **tằm** *ăn cơm đứng.*  (vần cách **“nằm, tằm”,** nhịp 5/5).  **6.** *Cái răng, cái* **tóc** *là* **góc** *con người.*(vần cách **“tóc, góc**”, nhịp 2/2/4).  **7.** *Một mặt* **người** *bằng* **mười** *mặt của.* **(vần cách “người, mười”,** nhịp 3/4).  **8. Thương người như thể thương thân.** (vần cách **“thương, thương”,** nhịp 2/2/2).  **9.** *Một cây làm chẳng nên* ***non***  *Ba cây chụm lại nên* ***hòn*** *núi cao.*  **(**vần cách **“non, hòn”,** nhịp 6/8).  10. Học ăn, học **nói**, học **gói**, học mở. **(**vần cách **“nói, gói”,** nhịp 2/2/2/2).  **\*Tác dụng:** Vần và nhịp trong các câu tục ngữ như một chất keo gắn chặt các thành phần trong câu thành một khối vững chắc, tạo nên tính ổn định về hình thức, phù hợp với tính ổn định về nội dung của tục ngữ. |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc thầm các câu TN, sau đó tổ chức cho HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi trong **Phiếu học tập số 2**. Có thể cho mỗi nhóm thực hiện một chủ đề. GV gợi ý:  **\*Nhiệm vụ 1:** Thảo luận để hoàn thành Phiếu HT số 2 với những gợi ý sau:  1) *Câu tục ngữ đề cập đến vấn đề gì? Em hiểu nội dung được đề cập ấy như thế nào?*  2) *Chỉ ra hình thức thể hiện của những câu tục ngữ có gì độc đáo về từ ngữ, hình ảnh, cấu trúc, phép tu từ, ở mỗi câu được thể hiện một cách trực tiếp, hay có tính chất ẩn dụ.*  *3) Từ đó, hãy rút ra ý nghĩa bài học của từng câu.*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện từng nhiệm vụ theo phân công của nhóm.  - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS từng nhóm lần lượt lên trình bày.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc của HS, chốt ý, bổ sung:  - GV chuyển nội dung b. | **2. Ý nghĩa, bài học**  **2.1. Các câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động** (từ câu 1 đến câu 5)  *1. Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa.*  - Nội dung: dự báo thời tiết nhờ vào việc quan sát sao trên trời. Vào đêm hôm trước, khi quan sát trời nhiều sao (*mau sao)* thì ngày hôm sau sẽ nắng; trời ít sao (*vắng sao)* sẽ mưa.             .     * Nghệ thuật   + Phép đối: *mau - vắng, nắng - mưa*     + Sử dụng vần lưng: *nắng - vắng*  => Giúp dễ nhớ đối với kinh nghiệm quan sát về nắng, mưa thông qua hiện tượng thiên nhiên.  - Ý nghĩa: nhìn sao để dự đoán thời tiết mưa nắng, sắp xếp công việc. Đây là kinh nghiệm để đoán nắng mưa, liên quan trực tiếp đến công việc sản xuất nông nghiệp và mùa màng.  *2. Mưa tháng Ba hoa đất,*  *Mưa tháng Tư hư đất.*  - Nội dung: Hiện tượng thời tiết mưa vào tháng Ba, tháng Tư tác động đến mùa màng, đất đai nông nghiệp  - Nghệ thuật:  + vần lưng “*Ba, hoa”, “Tư, hư”,*  + phép đối*: hoa đất- hư đất,* chia 2 vế nhịp nhàng, cân xứng  => nhấn mạnh cơn mưa của tháng Ba và tháng Tư có ảnh hưởng lớn đến nông vụ.  *-* Ý nghĩa bài học:Kinh nghiệm trồng trọt được cha ông đúc kết qua câu tục ngữ: thường đến tháng Ba âm lịch hoa màu rất cần nước nên cơn mưa lúc này rất có ích. Ngược lại đến tháng Tư, cây trồng đang trong quá trình phát triển, cần ít nước nên những cơn mưa tháng Tư sẽ làm hư đất, hư cây trồng.  + Khi trồng trọt cần chọn thời điểm gieo trồng cho phù hợp với thời tiết để có năng xuất cây trồng.  *3. Nhất nước, nhị phân, tam cần, tứ giống.*  *-* Nội dung: Khẳng định bốn yếu t*ố*: *nước, phân, cần, giống* có vai trò quan trọng quyết định năng suất lúa nước*.*  - Nghệ thuật:  + vần cách **“***phân, cần”,*nhịp 2/2/2/2;  + liệt kê các yếu tố của nghề trồng lúa ->Nghề trồng lúa cần có đủ bốn yếu tố: *nước, phân, cần, giống.* Trong đó yếu tố quan trọng hàng đầu là nước.  - Ý nghĩa: Kinh nghiệm được người xưa đúc kết về nghề trồng lúa, đảm bảo bốn yếu tố cần thiết và quan trọng thì lúa tốt, mùa màng bội thu.  *4. Tấc đất, tấc vàng.*  - Nội dung: Đề cao vai trò, giá trị của đất đai trong sản xuất nông nghiệp.  *“tấc”* là đơn vị đo lường người xưa thường sử dụng. “*vàng*” chính một kim loại quý giá, có giá trị kinh tế rất cao.  - Nghệ thuật:  + vần cách **“***Tấc, tấc***”**, nhịp 2/2, chia2 vế cân xứng hài hòa;  + so sánh “*tấc đất”* với “*tấc vàng*” để thấy được tầm quan trọng của đất đai.  - Ý nghĩa: Khẳng định một chân lí đất đai quý như vàng, đất đai trồng trọt có giá trị đặc biệt  => khuyên nhủ mọi người phải biết quý trọng, có ý thức giữ gìn, bảo vệ, không được phá hoại, lãng phí đất đai.  *5. Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng*  - Nội dung: Sự vất vả của nghề nuôi tằm, sự nhàn hạ của nghề nuôi lợn.  - Nghệ thuật:  + vần cách*“nằm, tằm”,*nhịp 5/5.  + Phép đối giữa công việc nuôi lợn và việc nuôi tằm. Người nuôi lợn nhàn nhã, không quá tất bật, hối hả nên có thời gian thảnh thơi *(ăn cơm nằm*). Ngược lại, nuôi tằm đòi hỏi nhiều công chăm sóc, người nuôi luôn phải túc trực bên nong tằm nên người nuôi bận bịu, hối hả cả ngày (*ăn cơm đứng)*.  => làm rõ sự vất vả của nghề nuôi tằm và sự nhàn hạ của việc nuôi lợn  - Kinh nghiệm:  + Phản ánh sự thấu hiểu nỗi vất vả của người nông dân, trân trọng những sản phẩm nông nghiệp do chính công sức của họ tạo nên.  **=> Những kinh nghiệm ấy có vai trò quan trọng đối với người lao động trong việc xác định, dự đoán thời tiết, thời vụ thích hợp để nuôi trồng, cũng như bảo vệ, quý trọng đất đai.** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ.**  **Thảo luận nhóm 3 phút: kĩ thuật khăn trải bàn.**  - GV giao cho 5 nhóm HS thảo luận, ghi ý kiến cá nhân sau đó ghi ý kiến chung của cả nhóm:    **Nội dung thảo luận:**  Nhiệm vụ riêng: *phiếu học tập số 2, mỗi nhóm 1 câu tục ngữ theo sự phân công của GV ở tiết học trước để HS về nhà chuẩn bị.*  *(Nhóm 1,2,3,4,5 lần lượt thực hiện nhiệm vụ thảo luận về các câu tục ngữ 6,7,8,9,10)*  *- Nhóm 1: câu số 6*  *- Nhóm 2: câu số 7*  *- Nhóm 3: câu số 8*  *- Nhóm 4: câu số 9*  *- Nhóm 5: câu số 10*  Nhiệm vụ chung: *Các câu tục ngữ về con người, xã hội muốn nhắn gửi mọi người điều gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét | **2.2. Các câu tục ngữ về con người và xã hội** (từ câu 6 đến câu 10).  *6. Cái răng, cái tóc là góc con người.*  - Nội dung: đề cao tầm quan trọng của ngoại hình trong việc thể hiện một phần tính cách con người.  - Nghệ thuật:  + vần cách **“**tóc, góc”, nhịp 2/2/4  + so sánh: *Cái răng, cái tóc là góc con người.*  + “*Cái răng, cái tóc*” đều là những bộ phận trên cơ thể con người. Thể hiện vẻ đẹp ngoại hình của con người.  + “*Góc con người*”: là tính cách, phẩm chất làm nên con người.  => Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chăm chút ngoại hình bên ngoài thể hiện đến tính cách bên trong.  - Bài học: Câu tục ngữ muốn nhấn mạnh tới việc, con người phải biết chú ý đến vẻ bên ngoài của mình, biết quan tâm, chăm sóc bản thân mình từ những thứ nhỏ bé như vậy. Đó cũng là yếu tố để khẳng định tính cách của mình.  *7. Một mặt người bằng mười mặt của.*  - Nội dung: đề cao giá trị của con người  - Nghệ thuật  + vần cách “*người, mười”,* nhịp 3/4  *+“Một mặt người*” là cách nói hoán dụ dùng bộ phận để chỉ toàn thể, ý muốn chỉ con người nói chung.  +“*Mười mặt của*”: của ở đây là của cải, vật chất. Vậy nên “mười mặt của” ý nói đến số của cải rất nhiều.  =>Tác giả dân gian vừa dùng hình thức so sánh (bằng), vừa dùng hình thức đối lập giữa đơn vị chỉ số lượng ít và nhiều (một - mười). So sánh, nói quá nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của tính mạng con người, đồng thời khuyên người ta hãy biết quý trọng mạng sống.  Bài học: Câu tục ngữ khuyên mọi người hãy yêu quý, tôn trọng và bảo vệ con người, không để của cải che lấp con người.  *8. Thương người như thể thương thân.*  **- Nội dung: câu tục ngữ nói về tư tưởng đạo lý tình yêu thương con người, tinh thần tương thân tương ái.**  **- Nghệ thuật: so sánh**  - Bài học: Câu tục ngữ khuyên răn mọi người phải có lòng thương người, yêu thương đồng loại như yêu thương chính bản thân mình. Hãy thương yêu, chăm sóc, thông cảm và chia sẻ vui buồn, hoạn nạn với người khác như chính mình vậy  *9. Một cây làm chẳng nên non*  *Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*  *- Nội dung: câu tục ngữ nói về vai trò của tinh thần đoàn kết, tính cộng đồng trong cuộc sống.*  - Nghệ thuật:  + sử dụng thể thơ lục bát, vần cách **“***non, hòn”,*  + Ẩn dụ: dùng hình ảnh thiên nhiên: “*một cây, ba cây, hòn núi cao*” để nói chuyện con người. Một cây đơn lẻ không làm thành rừng núi nhưng nhiều cây gộp là sẽ thành rừng rậm, núi cao. Từ đó, câu tục ngữ khẳng định sức mạnh của tập thể, cộng đồng, của tinh thần đoàn kệt của con người trong cuộc sống xã hội.   * Bài học: Khuyên nhủ mỗi người cần phải biết đoàn kết để tạo thành sức mạnh, tránh lối sống cá nhân, đơn lẻ, thiếu liên kết.   *10. Học ăn, học nói, học gói, học mở.*  - Nội dung: câu tục ngữ nói về những điều căn bản trong cuộc sống mà người ta phải học để có được cách ăn ở, giao tiếp, cách đối nhân xử thế làm sao cho lịch sự, tế nhị, văn minh.  - Nghệ thuật:  +vần cách **“***nói, gói”,*nhịp 2/2/2/2  + liệt kê, điệp từ “*học”*  =>Bài học: Nhằm khuyên mọi người phải biết cách ăn uống cho thanh lịch, học cách nói năng cho nhã nhặn và học cách ứng xử khô khéo, đúng mực.  **\* Bài học chung: các câu tục ngữ về con người và xã hội :**  **+ đề cao giá trị con người;**  **+ khuyên răn mọi người phải biết sống yêu thương, giúp đỡ, đùm bọc lẫn nhau;**  **+ khuyên nhủ chúng ta cần phải có tinh thần vượt khó, giữ vững ý chí, quyết tâm trong mọi công việc thì ắt sẽ thành công.** |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **(PP Vấn đáp):**  **-** GV yêu cầu HS đọc lại toàn bài và sử dụng phương pháp đàm thoại để kích thích khả năng suy nghĩ của HS về vấn đề:  *Theo em, các câu tục ngữ trên có còn hữu ích với cuộc sống ngày nay không? Hãy nêu một câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động và một câu tục ngữ về con người, xã hội mà em thấy vẫn có ích với cuộc sống ngày* nay  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS lên trình bày.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của HS.  - GV chuyển sang phần tổng kết. | **3. Giá trị sử dụng**  ***-*** Theo thời gian, cuộc sống xã hội của con người luôn thay đổi, nhưng cũng có những yếu tố hết sức bền vững.  - Sở dĩ, con người thời hiện đại với điều kiện sống khác xưa, nhưng vẫn dùng tục ngữ trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp là nhờ những yếu tố bền vững đó.  - Ví dụ, thời nào thì con người vẫn quý hơn mọi thứ trên đời, cho nên câu: *“Người sống hơn đống vàng”* chưa bao giờ sai; hoặc tinh thần đoàn kết vẫn là chuyện cần thiết muôn thuở của con người, vậy câu: *“Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.”* vẫn còn nguyên giá trị. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **III. Tổng kết** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS làm việc cá nhân:  *1) Tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của VB.*  *2) Nêu thông điệp ý nghĩa của VB.*  *3) Em rút ra bài học gì về cách đọc VB theo thể loại tục ngữ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**   * GV chuẩn kiến thức. | **1. Nghệ thuật**  - Ngắn gọn, nhịp nhàng cân đối;  - Có vần, nhịp giàu hình ảnh cụ thể, gần gũi;  - Thường dùng các hình ảnh so sánh, ẩn dụ.  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  - Nhưng câu tục ngữ đã đúc kết sâu sắc những kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, về cách ứng xử trong cuộc sống. Từ đó đưa ra những lời khuyên bổ ích về thời tiết, về công việc lao động, và về cách ứng xử, đạo đức làm người.  - Tục ngữ thực sự là kho tàng trí tuệ của nhân dân, được sử dụng nhiều trong ngôn ngữ giao tiếp hằng ngày.  **3. Cách đọc VB tục ngữ**  - Đọc kĩ VB để xác định chủ đề của tục ngữ.  - Phát hiện các yếu tố đặc sắc về nghệ thuật như: ngôn ngữ, tiếng, vần, nhịp, cấu trúc, hình tượng, các biện pháp nghệ thuật,..; phân tích những yếu tố đó;  - Phân tích, đánh giá được giá trị nhận thức, văn hoá, giáo dục, thẩm mĩ từ VB;  - Liên hệ để thấy ý nghĩa của VB đối với nhận thức và tình cảm của bản thân, bài học nhận thức từ kinh nghiệm dân gian, tiếp nhận và hiểu thêm về văn hoá dân tộc. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (7p)**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS củng cố hiểu biết về ý nghĩa của các VB.

**b. Nội dung**: HS làm việc theo cặp bàn dựa vào VB vừa học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm**: Bài tập hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** GV cho HS làm việc theo cặp bàn để hoàn thành bài tập sau:

BÀI TẬP: Đánh dấu (x) vào ô đúng hoặc sai cho mỗi nhận định ở bài tập sau đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | Nhận định | Đúng | Sai |
| **Câu 1.** Những kinh nghiệm đúc kết từ hiện tượng thiên nhiên và trong lao động sản xuất đã cho thấy người dân lao động nước ta có những khả năng nào? | a. Khả năng quan sát tỉ mỉ và nhận xét chính xác để chủ động trong công việc. |  |  |
| b. Khả năng ăn nói khéo léo trong giao tiếp. |  |  |
| c. Khả năng am hiểu sâu sắc trong trồng trọt và chăn nuôi. |  |  |
| d. Khả năng lưu giữ và truyền bá kinh nghiệm làm ăn cho con cháu. |  |  |
| **Câu 2.** Tục ngữ lao động sản xuất và thiên nhiên còn có ý nghĩa gì trong cuộc sống hiện đại hôm nay? | a. Kết hợp với khoa học sẽ dự đoán chính xác hơn các hiện tượng thời tiết để chủ động mọi công việc. |  |  |
| b. Khoa học đã phát triển những kinh nghiệm đúc kết trong tục ngữ không còn phù hợp chính xác, do vậy không tận dụng được gì. |  |  |
| c. Kết hợp với khoa học kĩ thuật để không ngừng phát triển sản xuất, nâng cao đời sống. |  |  |
| d. Giúp chúng ta hôm nay hiểu hơn về đời sống xản xuất lao động của cha ông ngày xưa. |  |  |
| **Câu 3.** Từ những câu tục ngữ về con người và xã hội, giúp ta hiểu những quan điểm và thái độ sâu sắc nào của dân gian? | a. Dân gian đòi hỏi cao về cách sống, cách làm người. |  |  |
| b. Dân gian mong muốn con người phải luôn tu dưỡng để hoàn thiện nhân cách. |  |  |
| c. Đề cao, tôn vinh giá trị làm người. |  |  |
| d. Không yêu cầu cao, mọi người hãy tự thân phát triển nhân cách của mình. |  |  |
| **Câu 4.** Về hình thức những câu tục ngữ có gì đặc biệt? | a. Thường dùng các hình ảnh so sánh hoặc ẩn dụ. |  |  |
| b. Ngôn ngữ thường ngắn gọn hàm súc, các vế có cấu trúc đăng đối. |  |  |
| c. Thường có vần có nhịp dễ nhớ dễ thuộc. |  |  |
| d. Thường dùng những câu kể lại sự việc. |  |  |

\*Gợi ý đáp án:

- Câu 1 nhận định đúng là: a,c,d

- Câu 2 nhận định đúng là: a,c,d

- Câu 3 nhận định đúng là: a,b,c

- Câu 4 nhận định đúng là: a,b,c

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ, làm việc theo cặp bàn để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* Đại diện HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**-** GV nhận xét, tuyên dương HS.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5p)**

**a. Mục tiêu**:Giúp HS phát triển kĩ năng viết câu, đoạn.

**b. Nội dung**: HS viết đoạn văn vận dụng hiểu biết dùng tục ngữ.

**c. Sản phẩm**: Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

**Bài tập 4: Thu hoạch qua sưu tầm và vận dụng ngoài giờ học**

**1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

*? Sưu tầm một số câu tục ngữ thuộc các chủ đề về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội? Câu tục ngữ nào em yêu thích nhất? Vì sao?. Em đã vận dụng câu tục ngữ đó trong hoàn cảnh nào?*

**2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

+ Nghe yêu cầu

+ HS ghi chép kết quả sưu tầm của mình theo mẫu bảng tổng hợp vào sổ tay “Năng nhặt chặt bị”.

**SỔ TAY “NĂNG NHẶT CHẶT BỊ” – BÀI HỌC CUỘC SỐNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề: Tục ngữ về thiên nhiên, lao động.** | **Chủ đề: tục ngữ về con người, xã hội** | **Câu tục ngữ em yêu thích. Vì sao? Em đã vận dụng câu tục ngữ đó trong hoàn cảnh nào?** |
| 1 | *Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.* | *Người sống hơn đống vàng*. | Ví dụ: *Người sống hơn đống vàng*.  - So sánh->Nhấn mạnh giá trị con người còn quý hơn cả vàng. Con người cần phải biết trân trọng, bảo vệ, giữ gìn sức khoẻ, mạng sống của mình và của mọi người.  Tình huống vận dụng: Khi đến thăm bác bị ốm nặng, bác phải điều trị dài ngày, tốn kém nhiều tiền của. Để động viên bác, em nắm chặt tay bác và thì thầm: “Bác ơi! Bác cố lên ạ. Cháu rất vui vì bác đã khỏe lên rồi ạ. Bác không lo lắng gì nhé, chỉ cần bác khỏe thôi ạ, ***người sống hơn đống vàng***.” |
| 2 | …….. |  |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (3P)**

- Hoàn thiện các nội dung đã học trong bài;

- Chuẩn bị soạn bài: Thực hành tiếng Việt

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | Biện pháp tu từ nói quá | Điều muốn biểu thị | Tác dụng |
| *a) Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng,*  *Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.* |  |  |  |
| *b) Thuận vợ thuận chồng, tát Biển Đông cũng cạn.* |  |  |  |
| *c) Cày đồng đang buổi ban trưa*  *Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày* |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu | Biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh | Điều muốn biểu thị | Tác dụng |
| *a) Có người thợ dựng thành đồng*  *Đã yên nghỉ tận sông Hồng, mẹ ơi!* |  |  |  |
| *b) Ông mất năm nao, ngày độc lập*  *Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao*  *Bà "về" năm đói, làng treo lưới*  *Biển động: Hòn Mê, giặc bắn vào...* |  |  |  |
| *c) Năm ngoái, cụ Bọ Ngựa già yếu đã khuất núi.* |  |  |  |

**Tiết 78-79**:

**Thực hành tiếng Việt:**

***Tục ngữ, thành ngữ;Nói quá, nói giảm – nói tránh***

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực** **đặc thù:** Giúp HS:

- Hiểu, nắm vững được đặc điểm của biện pháp tu từ nói quá và nói giảm- nói tránh; các cách thức thể hiện biện pháp tu từ nói quá, mục đích của việc sử dụng nói quá trong ngôn ngữ sinh hoạt và ngôn ngữ văn học.

- Nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá, nói giảm- nói tránh trong những trường hợp cụ thể, biết vận dụng biện pháp tu từ nói quá một cách phù hợp.

**1.2. Năng lực chung:**

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.

**2. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**\* Giáo dục học sinh khuyết tật:** Nhận biết được thành ngữ, tục ngữ, từ ngữ nói giảm nói tránh và nói quá.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**- Thiết bị:** Máy vi tính, máy chiếu đa năng, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

**- Học liệu:** Sưu tầm các đoạn văn thơ đặc sắc có dùng từ địa phương; Phiếu học tập.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5P)**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS tạo tâm thế hào hứng, kết nối tri thức để bước vào bài học.

**b. Nội dung**: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi, so sánh, nhận xét để dẫn dắt HS vào vấn đề đặt ra trong bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nêu yêu cầu, HS suy nghĩ trả lời.

**?So sánh về cách diễn đạt trong 2 trường hợp của 2 câu sau:**

**\*Trường hợp thứ 1:**

*A1. Trời rét thế này mà cậu mặc áo cộc tay. Cậu đúng là khoẻ thật đấy.*

*A2. Trời rét cắt da cắt thịt thế này mà cậu mặc áo cộc tay. Cậu đúng là khoẻ như voi.*

**\*Trường hợp thứ 2:**

*B1. Ông ấy rất ki bo, không bao giờ cho ai cái gì đâu.*

*B2. Ông ấy vắt cổ chày ra nước, không bao giờ cho ai cái gì đâu.*

**\*Gợi ý**:

- A1, B1 diễn đạt theo cách thông thường;

- A2, B2 diễn đạt quá mức độ, tính chất thường thấy.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thực hiện cá nhân nhiệm vụ.

+ GV quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm.

+ GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

+Học sinh: tự đánh giá, nhận xét đánh giá lẫn nhau.

+ GV nhận xét, đánh giá.

**+ GV chốt vấn đề, dẫn dắt vào bài:** *Trường hợp**A2, B2 diễn đạt quá mức độ, tính chất thường thấy thì người ta gọi là nói quá. Vậy nói quá là cách diễn đạt như thế nào và có tác dụng gì thì bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30P)**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm và tác dụng của nói quá**

**a**. **Mục tiêu**: giúp HS nhận biết khái niệm và hiểu tác dụng của nói quá.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ để nhận biết khái niệm và tác dụng nói quá.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc thầm kiến thức ngữ văn trong SGK tr.3; sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ: đưa ra ví dụ cụ thể, cho HS làm việc cặp đôi, thảo luận để trả lời câu hỏi:  **\*Nhiệm vụ 1:**  1) *Nhận xét về đối tượng, tính chất, đặc điểm, quy mô thực của đối tượng so với hình ảnh được thể hiện trong thành ngữ sau:* “*Mười bảy bẻ gẫy sừng trâu” (*thành ngữ).  2) Em thích cách nói nào trong hai cách nói sau? *Việc sử dụng cách nói quá trong trường hợp sau có tác dụng gì?* (rút ra tác dụng của nói quá).  Cách 1: Anh tôi năm nay 17 tuổi, anh ấy rất khỏe.  Cách 2: Anh tôi đang ở độ tuổi *mười bảy bẻ gẫy sừng trâu.*  3) *Từ ví dụ vừa phân tích, em hiểu nói quá là biện pháp tu từ như thế nào?* (rút ra khái niệm)  **\*Nhiệm vụ 2:**  4) *Tìm thêm các VD về nói quá được sử dụng trong văn thơ?*  *5) Nói quá có gì giống và khác so với nói khoác?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  - HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá. | **I. KIẾN THỨC NGỮ VĂN**  **1. Nói quá**  **a. Ví dụ:** thành ngữ “*Mười bảy bẻ gẫy sừng trâu”* nhằm khẳng định sức mạnh phi thường của tuổi thanh niên.  **b. Khái niệm:**  - Nói quá (khoang trương) là biện pháp tu từ dùng cách nói phóng đại mức độ, tính chất, của sự vật, hiện tượng được miêu tả.  **c. Tác dụng:**  - Gây ấn tượng đặc biệt, tăng sức biểu cảm.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **So sánh** | **Nói quá** | **Nói khoác** | | Giống | Cùng là nói phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của sự vật, hiện tượng. | | | Khác | nhằm nhấn mạnh và tăng sức biểu cảm, tạo độ tin cậy cao.  (tác động tích cực) | làm cho người nghe tin vào điều không có thực, tạo ra sự khôi hài hoặc chế nhạo  (tác động tiêu cực) | |

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu khái niệm và tác dụng của nói giảm- nói tránh**

**a**. **Mục tiêu**: giúp HS nhận biết khái niệm và hiểu tác dụng của nói giảm- nói tránh.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ để nhận biết khái niệm và tác dụng nói giảm- nói tránh.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc thầm trong SGK phần kiến thức ngữ văn tr.3; sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ: đưa ra ví dụ cụ thể, cho HS làm việc theo nhóm bàn, thảo luận để trả lời câu hỏi:  **\*Nhiệm vụ 1:**  1) *Đọc ví dụ sau, hãy cho biết cụm từ “bỏ đi” có nghĩa là gì?*  *Tác giả lại dùng cụm từ “bỏ đi”thay thế cho cụm từ ấy có tác dụng như thế nào?*  **\*Nhiệm vụ 2:**  2) *Từ ví dụ vừa phân tích, em hiểu nói quá là biện pháp tu từ* nói giảm- nói tránh *như thế nào?* (rút ra khái niệm)  1) *Việc sử dụng cách nói giảm- nói tránh có tác dụng gì?* (rút ra tác dụng của nói quá).  2) *Tìm thêm các VD về nói giảm- nói tránh được sử dụng trong văn thơ hoặc trong sinh hoạt?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  - HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá. | **2. Nói giảm- nói tránh**  **a.** Ví dụ:  *Cách mấy tháng sau, đứa con lên sài bỏ đi để chị ở lại một mình.* (Nguyễn Khải)  - Nói giảm- nói tránh: tác giả dùng từ “*bỏ đi*” để chỉ cái chết của nhân vật *đứa con*.  - Tác dụng: cách nói giảm- nói tránh ở câu này nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn khi nói về nỗi đau của người mẹ (nhân vật *chị*) trước việc mất người thân.  **b. Khái niệm:** Nói giảm- nói tránh (nhã ngữ) là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, khéo léo.  **c. Tác dụng:** nhằm tránh cảm giác quá đau buồn, nặng nề, tránh sự thô tục, thiếu lịch sự. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (40P)**

**a**. **Mục tiêu**: Củng cố cho HS nhận biết nói quá, nói giảm- nói tránh và tác dụng của hai biện pháp tu từ này.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | Biện pháp tu từ nói quá | Điều muốn biểu thị | Tác dụng |
| *a) Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng,*  *Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.* |  |  |  |
| *b) Thuận vợ thuận chồng, tát Biển Đông cũng cạn.* |  |  |  |
| *c) Cày đồng đang buổi ban trưa*  *Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày* |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu | Biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh | Điều muốn biểu thị | Tác dụng |
| *a) Có người thợ dựng thành đồng*  *Đã yên nghỉ tận sông Hồng, mẹ ơi!* |  |  |  |
| *b) Ông mất năm nao, ngày độc lập*  *Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao*  *Bà "về" năm đói, làng treo lưới*  *Biển động: Hòn Mê, giặc bắn vào...* |  |  |  |
| *c) Năm ngoái, cụ Bọ Ngựa già yếu đã khuất núi.* |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 1, trang 13, xác định yêu cầu của bài:  **Bài tập 1/tr.9.** Xác định biện pháp tu từ nói quá trong những câu dưới đây. Cách nói quá trong mỗi trường hợp đó biểu thị điều gì? Chỉ ra tác dụng của chúng.  *a) Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng,*  *Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.*                                             (Tục ngữ)  *b) Thuận vợ thuận chồng, tát Biển Đông cũng cạn.*                                           (Tục ngữ)  *c) Cày đồng đang buổi ban trưa*  *Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày*  (Ca dao)  HS thực hiện phiếu học tập số 1  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS đại diện trình bày, nhận xét. * HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá;  - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **II. Thực hành - Luyện tập**  **Bài tập 1/tr.9:**  a. Nói quá: ***chưa nằm đã sáng, chưa cười đã tối****:* Biểu thị đêm tháng Năm và ngày tháng Mười (âm lịch) ngắn đến nỗi chưa kịp làm gì đã hết.  - Tác dụng:  + tạo ấn tượng sâu sắc về thời gian quá ngắn của đêm tháng Năm và ngày tháng Mười (âm lịch).  + Ngầm thể hiện ý: con người cần biết và có cách ứng xử phù hợp với quy luật của thời gian (chủ động sắp xếp mọi việc cho phù hợp).  b. Nói quá: ***tát Biển Đông cũng cạn*** biểu thị sức mạnh đồng thuận, đoàn kết (giữa vợ và chồng trong gia đình nói riêng, giữa mọi người trong một tập thể cộng đồng nói chung): Đồng thuận sẽ tạo nên sức mạnh to lớn giúp thực hiện thành công bất cứ việc gì, dù khó khăn, to lớn đến đâu.  - Tác dụng:  + Tạo ấn tượng sâu sắc về sức mạnh của đoàn kết;  + Ngầm khuyên mọi người hãy luôn coi trọng, giữ gìn, xây dựng tinh thần đoàn kết, sự động thuận trong gia đình và cộng đồng.  c. Nói quá ***Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày***  - Tác dụng:  + Tác giả dân gian tạo nên hình ảnh cảm động, gây ấn tượng hết sức sâu sắc về công việc vô cùng cực nhọc, vất vả của người nông dân (phải đổ rất nhiều mồ hôi, công sức trên đồng ruộng trong điều kiện thời tiết nóng bức của buổi trưa hè);  + Nhắc nhở mọi người cần phải biết quý trọng người lao động và những sản phẩm mà họ tạo ra. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS hướng dẫn HS tìm cách nói quá (ở cột bên trái) tương ứng với cách nói thông thường (ở cột bên phải) theo mẫu. (HSKT)   |  |  | | --- | --- | | *Cách nói quá* | *Cách nói thông thường* | | *1) nghìn cân treo sợi tóc* | *a) rất hiền lành* | | *2) trăm công nghìn việc* | *b) quá yếu, không quen lao động chân tay* | | *3) hiền như đất* | *c) rất bận* | | *4) trói gà không chặt* | *d) ở tình thế vô cùng nguy hiểm* |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS trình bày, nhận xét.(gọi KSKT)   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **Bài tập 2/tr.9:** Tìm cách nói quá tương ứng với cách nói thông thường:  **Trả lời:**  1) - d)  2) - c)  3) - a)  4) - b) |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Kĩ **thuật Think – Pair – Share**  (Ảnh: Let's Discover the Doors of Knowledge - WordPress.com)  - GV yêu cầu HS:  **Câu 3.** Xác định biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh trong những câu sau. Cách nói giảm - nói tránh trong mỗi trường hợp đó biểu thị điều gì? Chỉ ra tác dụng của chúng.  *a) Có người thợ dựng thành đồng*  *Đã yên nghỉ tận sông Hồng, mẹ ơi!*                                      (Thu Bồn)  *b) Ông mất năm nao, ngày độc lập*  *Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao*  *Bà "về" năm đói, làng treo lưới*  *Biển động: Hòn Mê, giặc bắn vào...*                                        (Tố Hữu)  *c) Năm ngoái, cụ Bọ Ngựa già yếu đã khuất núi.*                                          (Tô Hoài)  HS thực hiện phiếu học tập số 2  - GV gợi ý: Nên sử dụng những cụm từ đã cho ở vị ngữ, để nói về một hành động hoặc một trạng thái của con người, ví dụ: *“Biết kết quả thi, anh Nam buồn nẫu ruột, không muốn đi đâu cả.”.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật Think – Pair- Share.  Gv quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của các nhóm (có thể sử dụng thêm các hình ảnh nếu cần).  **-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **Bài tập 3/tr.10:** Xác định, phân tích biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh trong những câu sau.  a)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Câu | Biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh | Điều muốn biểu thị | Tác dụng | | a | Đã yên nghỉ | Nói về việc chủ tích Hồ Chí Minh đã từ trần | -Tránh gây cảm giác đau buồn;  - thể hiện lòng thành kính, tiếc thương sâu sắc trước sự ra đi của Bác. | | b | * Mất * Về | Cái chết | -Tránh gây cảm giác đau buồn;  -thể hiện tình yêu thương của tác giả đối với hai ông bà đã nuôi | | c | Đã khuất núi | Cái chết | Thể hiện sự kính trọng của nhân vật Dế Mèn đối với nhân vật Bọ Ngựa. | |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (10p)**

**a. Mục tiêu:** Khắc sâu và vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ nói quá, nói giảm- nói tránh.

**b. Nội dung:** HS thực hiện ở nhà bài tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời thể hiện hiểu biết của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:** HS thực hiện ở nhà và báo cáo trên lớp ở giờ học sau.

**Dạng 1: Thu hoạch qua sưu tầm và vận dụng ngoài giờ học**

**Bài tập 1.** Tìm các thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá để diễn đạt các ý sau. Đặt câu với các thành ngữ đó.

1. Sợ hãi khiếp đảm đến mức mặt tái mét.
2. Luôn kề cạnh bên nhau hoặc gắn bó chặt chẽ khăng khít với nhau.
3. Giống hệt nhau đến mức tưởng chừng như cùng một thể chất.
4. Cả gan làm điều gì kém cỏi vụng về trước người hiểu biết tinh thông, tài cán hơn mình.

**Bài tập 2.** Sưu tầm lời hát, lời thơ, câu văn có sử dụng phép nói quá, nói giảm- nói tránh.

**\*GỢI Ý:**

**Bài tập 1.**

**Câu a.** *mặt cắt không còn giọt máu* (*mặt cắt không ra máu*).

**Câu b.** *như hình với bóng*.

**Câu c.** *như hai giọt nước*.

**Câu d.** *đánh trống qua cửa nhà sấm*.

* Đặt câu **THAM KHẢO**

**Câu a.** Chỉ cần ba hơi lặn ngắn, anh đã trồi lên trước mặt Thuý – một khuôn *mặt cắt không còn giọt máu.*

**Câu b.** Thôi cũng được và bắt đầu từ giờ phút này, lão phải theo ta *như hình với bóng*.

**Câu c.** Hai đứa giống nhau *như hai giọt nước*.

**Câu d**. Ồ làm gì cái vặt ấy. Hiểu dụ cho dân nghe, chứ đâu dám *đánh trống qua cửa nhà sấm.*

**Bài tập 2.** HS tự sưu tầm lời hát, lời thơ, câu văn có sử dụng phép nói quá.

**Dạng 2: Thực hành sử dụng biện pháp nói quá, nói giảm- nói tránh.**

**Bài tập nhóm (Về nhà):**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ (**[Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D)):

**Câu 3.**Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) về một chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói quá hoặc nói giảm - nói tránh.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS đọc đoạn văn mình đã viết vào tiết học sau hoặc tiết tự chọn

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

### Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

Gợi ý:

- Hình thức: đoạn văn

- Nội dung: chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói quá hoặc nói giảm - nói tránh.

**Bảng kiểm**

**Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu. |  |  |
| **2** | Đoạn văn có một chủ đề nhất định, có sử dụng biện pháp nói quá, nói giảm- nói tránh. |  |  |
| **3** | Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc. |  |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  |
| **5** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

Đoạn văn tham khảo:

Đối với em, mùa hè thật tuyệt vời khi có những cơn mưa. Sau cái nắng như đổ lửa, chiều về, thời tiết dịu hẳn. Bỗng từ đâu, từng đám mây đen kéo đến. Bầu trời tối sầm lại. Gió thổi khiến cây cối nghiêng ngả. Một lúc sau, mưa kéo đến. Những hạt mưa rơi xuống khắp các mái nhà, vườn cây, con đường... Tiếng mưa rơi kêu rào rào nghe thật vui tai. Mưa càng lúc càng nặng hạt, những hạt nước mưa trong veo rơi xuống như trút nước. Những hạt nước ấy đang đem nguồn sống tươi mát cho vạn vật. Chẳng bao lâu sau, cơn mưa đã ngớt dần rồi tạnh hẳn. Sau cơn mưa, mọi vật trở nên sáng bừng sức sống.

Nói quá: Sau cái nắng như đổ lửa…

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (3P)**

* Hoàn thiện các bài tập vào vở;
* Đọc trước văn bản Thực hành đọc hiểu, soạn các VB.

**Tiết 80: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU:**

**-Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân (Ê- dốp)**

**-Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù:**

**- Củng cố kĩ năng đọc hiểu truyện ngụ ngôn**

- Nắm được các tri thức đọc hiểu có quan hệ trực tiếp với việc đọc hiểu truyện ngụ ngôn. Nhận biết được một số yếu tố hình thức (nhân vật, cốt truyện, tình huống, ngôi kể, không gian, thời gian...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của truyện ngụ ngôn.

- Có khả năng đọc hiểu những câu tục ngữ lưu truyền trong đời sống, biết vận dụng tục ngữ trong một số tình huống giao tiếp.

- Nhận biết thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm đến qua các thể loại văn bản.

**1.2. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc theo dõi bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.

**2*.* Phẩm chất**

* Bài học góp phần phát triển phẩm chất nhân áí: *Biết ứng xử đúng mực, nhân văn.*

\* Giáo dục học sinh khuyết tật: Hs đọc và biết ý nghĩa các văn bản

**II. Thiết bị dạy học và học liệu.**

**- Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**- Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (3’)**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và chia sẻ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Em đã từng ghen tị, so bì với người khác chưa? Hãy chia sẻ câu chuyện ấy (nếu có)

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Gọi 1 -2 hs chia sẻ.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- GV nhận xét, khuyến khích, khen ngợi HS và dẫn vào bài mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (35p)**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học…) của truyện ngụ ngôn và tục ngữ.

**b) Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**I/ Văn bản 1 “Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **VB1 “Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân”**  **Hoạt động tìm hiểu chung về văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Xác định PTBĐ chính của VB?*  - Tự sự  *? Với PTBĐ này chúng ta sẽ đọc VB với giọng đọc như thế nào?*  + Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc VB.  + HS khác nhận xét.  + Giải thích từ khó trong VB.  - GV chuyển giao nhiệm vụ tiếp theo cho HS qua hệ thống câu hỏi:  *1/ Nêu xuất xứ của VB?*  *2/ VB được viết theo thể loại nào?*  *3/ Em hãy chia bố cục VB và nội dung từng phần?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: suy nghĩ cá nhân .  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày lần lượt trả lời từng câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau; | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác phẩm:**  **-** Xuất xứ:  **2 Hướng dẫn đọc**  **a) Đọc - hiểu chú thích**  - Đọc to, rõ ràng, mạch lạc; hào hứng;    **b) Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Truyện ngụ ngôn  -Bố cục:3 phần  + P1 (từ đầu ... *thấy là*.): Hành động của Răng, Miệng, Chân, Tay  + P2 (tiếp ... *phút nào*.): Kết quả của hành động  + P3 (Còn lại): Quyết định của Răng, Miệng, Tay, Chân |
| **Hoạt động đọc hiểu văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Đọc VB và hoàn thành PHT sau: (Đã giao về nhà)   |  |  | | --- | --- | | Hành động | Kết quả | | Răng |  | | Miệng |  | | Tay |  | | Chân |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: xem lại bài chuẩn bị  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** thuyết trình sản phẩm của mình  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, ghi bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1.Hành động của Răng, Miệng, Tay, Chân và kết quả của hành động**   |  |  | | --- | --- | | Hành động | Kết quả | | Răng không nhai. |  | | Miệng không ăn | Miệng khô, đắng ngắt cả ngày. | | Tay không gắp thịt. | Đôi Tay oặt ẹo | | Chân | Chân không đi nổi. | | => Các bộ phận quyết định không làm gì nữa. | => Tất cả các bộ phận cảm thấy rã rời, mệt mỏi, không thể làm gì được.  - Các bộ phận nhận ra vai trò của Bụng: Bụng cũng làm việc để tiêu hóa thức ăn, đem lại năng lượng cho cơ thể.  => Các bộ phận quyết định: cùng chung sức đoàn kết, ghen tị chỉ làm cơ thể rã rời, không đem lại lợi ích gì. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Theo em có thể rút ra bài học gì từ truyện ngụ ngôn Bụng và Răng, Miệng, Ta, Chân?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: thực hiện theo yêu cầu của GV  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi; HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, ghi bảng. | **2. Bài học**  - Mỗi người đều có một vai trò, ý nghĩa riêng. Vì vậy, mỗi người cần cố gắng làm tốt bổn phận, nghĩa vụ của bản thân mình.  - Không nên ganh tị, so bì với người khác.  - Trong một tập thể, cần biết đoàn kết, giúp đỡ người khác để tạo nên sức mạnh, xây dựng tập thể vững mạnh. |
| **Hoạt động tổng kết**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *? Khái quát ND và NT của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi   **B3: Báo cáo, thảo luận**   * HS nhận xét, bổ sung câu trả lời cho bạn.   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt ý. | **III. Tổng kết**  **1. Giá trị nội dung**  - Truyện nêu lên cách ứng xử giữa người với người, giữa cá nhân và tập thể được rút ra từ thực tiễn cuộc sống.  **2. Giá trị nghệ thuật**  - Kể chuyện bằng văn vần.  - Mượn bộ phận cơ thể để nói về con người. |

**II/ Văn bản 2: Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội**  **Hoạt động tìm hiểu chung về văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Xác định PTBĐ chính của VB?*  - Biểu cảm  *? Với PTBĐ này chúng ta sẽ đọc VB với giọng đọc như thế nào?*  + Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc VB.  + HS khác nhận xét.  + Giải thích từ khó trong VB.  - GV chuyển giao nhiệm vụ tiếp theo cho HS qua hệ thống câu hỏi:  *1/ Nêu xuất xứ của VB?*  *2/ VB được viết theo thể loại nào?*  *3/ Em hãy chia bố cục VB và nội dung từng phần?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: suy nghĩ cá nhân .  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày lần lượt trả lời từng câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau; | | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác phẩm:**  **-** Xuất xứ:  **2 Hướng dẫn đọc**  **a) Đọc - hiểu chú thích**  - Đọc to, rõ ràng, mạch lạc; hào hứng;    **b) Tìm hiểu chung**  **-** Xuất xứ:  - Thể loại: Tục ngữ  -Bố cục:2 phần  - Nhóm tục ngữ về thiên nhiên và lao động.  - Nhóm tục ngữ về con người, xã hội. |
| **Hoạt động đọc hiểu văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Chia lớp thành các nhóm nhỏ để tìm hiểu ý nghĩa của các câu tục ngữ, hoàn thành phiếu học tập  ***(Các nhóm lựa chọn 1-2 câu tục ngữ ở mỗi nội dung để trình bày)***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nêu cách hiểu của em về các câu tục ngữ | | | | Câu tục ngữ | Nghệ thuật | Nội dung | | Tục ngữ về TN, LĐ |  |  | | Tục ngữ về con người, xã hội |  |  | | 2.Những câu tục ngữ có ý nghĩa gì đối với đời sống thực tiễn của con người?  ……………………………………… | | |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** thảo luận theo nhóm, hoàn thiện phiếu học tập  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Đại diện nhóm** trả lời câu hỏi; nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, ghi bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1. Tục ngữ về thiên nhiên, lao động**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu tục ngữ | Nghệ thuật | Nội dung | | Câu 1 | gieo vần lưng | Khi trên trời xuất hiện ráng có sắc vàng giống màu mỡ gà tức là trời sắp có bão, người dân cần chủ động phòng chống bão, giữ gìn nhà cửa, tài sản. | | Câu 4 | điệp ngữ, vần lưng | Người đi đánh bắt tôm cá muốn bắt được nhiều tôm thì nên đi vào lúc chập tối; muốn bắt được nhiều cá nên đi câu vào lúc hửng sáng. | | Dựa vào nội dung các câu tục ngữ, nhân dân có thể đoán được thời tiết, biết cách lao động, sản xuẩt | | |   **2. Tục ngữ về con người, xã hội**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu tục ngữ | Nghệ thuật | Nội dung | | Câu 5 | Ẩn dụ, đối | Khó khăn về vật chất vẫn phải sống trong sạch, thiện lương. | | Câu 8 | Ẩn dụ | Khi được hưởng thành quả nào đó, phải nhớ đến người có công xây dựng nên, phải biết ơn người đã giúp mình. | | Những câu tục ngữ về con người, xã hội là bài học về phẩm chất đạo đức, lối sống để từ đó, con người hoàn thiện bản thân hơn. | | | | |
| **Hoạt động tổng kết**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *? Khái quát ND và NT của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi   **B3: Báo cáo, thảo luận**   * HS nhận xét, bổ sung câu trả lời cho bạn.   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt ý. | | **III. Tổng kết**  **1. Giá trị nội dung**  - Tục ngữ đúc rút những kinh nghiệm quý báu từ thực tế đời sống nhân dân lao động.  **2. Giá trị nghệ thuật**  - Câu ngắn gọn, hàm súc  - Có hình ảnh, vần điệu. |

**3. Hoạt động 3,4: Luyện tập – Vận dụng (5p)**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

***b) Nội dung:*** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

***c) Sản phẩm:*** Sp của HS

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV giao nhiệm vụ cho HS:

*? Đối chiếu với khái niệm truyện ngụ ngôn ở phần tri thức ngữ văn để nêu sự giống nhau và khau giữa truyện ngụ ngôn này với các truyện ngụ ngôn khác đã học?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**- HS** suy nghĩ, thực hiện yêu cầu một cách độc lập.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- Bài làm của HS

\*Sản phẩm dự kiến:

\* Giống:

- Mượn chuyện về đồ vật, loài vật, cây cỏ,…để gián tiếp nói chuyện con người, nêu lên triết lý nhân sinh và những bài học kinh nghiệm về cuộc sống.

\* Khác:

- Được kể bằng văn vần.

- Thay vì dùng hình ảnh con vật, câu chuyện lấy nhân vật là các bộ phận trên cơ thể người để nêu lên bài học về lòng đoàn kết.

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số; khen ngợi và biểu dương HS.

**\*Hướng dẫn học sinh học bài về nhà và chuẩn bị bài sau: (2p)**

**- Bài cũ:** Ôn tập theo bài học;

**- Bài mới:** Soạn “*Viết*”theo hệ thống PHT đã giao trên Zalo nhóm lớp.

**Tiết 81,82,83: Viết**

**Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực:**

**\* Năng lực đặc thù: Viết**

- Nắm được quy trình viết văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn.

**-** Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn.

***\* Năng lực chung:***

Học sinh biết làm bài phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn một các linh hoạt, sáng tạo.

**2. Về phẩm chất**:

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

\* Giáo dục học sinh khuyết tật: Hs biết cách viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật và viết được đoạn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**- Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**- Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5P)**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung:** HS kể tên nhân vật trong các tác phẩm và đặc điểm nổi bật của từng nhân vật.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về tên nhân vật đã học trong các tác phẩm và đặc điểm nổi bật.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu:** Trong 1 phút, em hãy trình bày những suy nghĩ, đánh giá của em về một nhân vật trong một văn bản truyện ngụ ngôn mà em ấn tượng trong bài học 6.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi.
* GV gợi ý HS có thể nêu suy nghĩ về các nhân vật đã được tìm hiểu trong các văn bản của bài học 6 như:

+ nhân vật người thợ mộc trong truyện Đẽo cày giữa đường là người thiếu kiến thức thực tế, thiếu kinh nghiệm, không có chủ kiến, …

+ Nhân vật con ếch trong truyện Ếch ngồi đáy giếng: là kẻ huênh hoang, kiêu ngạo, coi thường người khác…

Từ đó HS đưa ra các gợi ý về: Bối cảnh xuất hiện nhân vật, đặc điểm của nhân vật, dấu ấn của nhân vật để bạn đoán tên nhân vật.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* GV gọi một số đại diện trình bày.
* Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét,dẫn dắt vào nội dung tiết học.

Ở phần đọc hiểu, các em đã được tìm hiểu về một số câu chuyện ngụ ngôn. Việc tìm hiểu truyện ngụ ngôn sẽ giúp các em phám phá các nhân vật trong truyện để rút ra những bài học về cuộc sống đầy ý nghĩa. Vậy nếu cần viết một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn chúng ta phải làm như thế nào?

Ở bài 4 các em đã viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong các tác phẩm văn học. Hôm nay, chúng ta tiếp tục học về cách viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn.

**2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (110P)**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu đặc điểm của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một truyện ngụ ngôn.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một truyện ngụ ngôn.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  *1/ Em hãy nhắc lại những yêu cầu đối với một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học mà em đã học ở bài 4?*  *2/ Để viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn , em cần chú ý điều gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn.  - GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức:**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  **GV hệ thống lại pần kiến thức câu hỏi 1: Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**  Phân tích đặc điểm nhân vật là giới thiệu, miêu tả và nêu lên nhận xét về những nét tiêu biểu của một nhân vật như: lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, suy nghĩ, hành động, việc làm... của nhân vật.  - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.  - Chỉ ra và nêu nhận xét về những đặc điểm của nhân vật như: lai lịch, xuất thân, hình dàng bên ngoài, suy nghĩ, hành động, việc làm... dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  - Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.  Lưu ý: **Không phải** bất cứ nhân vật trong truyện ngụ ngôn cũng thể hiện đầy đủ các phương diện (lai lịch, hoàn cảnh, hình dáng, cử chỉ, hoạt động, lời nói, ý nghĩ,…) mà tùy từng trường hợp, có chỗ nhiều, chỗ ít, chỗ đậm, chỗ nhạt. Vậy **không phải máy móc tìm đủ và phân tích đủ mà chỉ tập trung vào các phương diện tiêu biểu của nhân vật** và sắp xếp cho hợp lí.  **Thao tác 2: Rút ra dàn ý chung của một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một truyện ngụ ngôn.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận cặp đôi:**  Dàn ý chung của một văn bản nghị luận phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức:**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **I. Định hướng**  **1. Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một truyện ngụ ngôn:**  - Nhân vật trong truyện ngụ ngôn có thể là sự vật hoặc các con vật được nhân hóa có đặc điểm như con người; có khi nhân vật là con người.  - Nêu nhận xét về đặc điểm nhân vật và phân tích làm sáng tỏ đặc điểm ấy thông qua các chi tiết tiêu biểu chứ không phải là kể lại câu chuyện về nhân vật.  - Lập dàn ý cho bài viết  - Viết bài phân tích đặc điểm nhân vật theo dàn ý đó.  **2. Dàn ý chung của một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một truyện ngụ ngôn:**  **\* Mở bài:** Giới thiệu truyện ngụ ngôn và nhân vật cần phân tích; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  **\* Thân bài:** Phân tích đặc điểm của nhân vật:  Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:   * Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm. * Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn * Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.   **\* Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập – Thực hành viết**

**a. Mục tiêu**:

HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao:

- HS xác định được mục đích viết (nghị luận); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

- Viết được văn bản nghị luậnphân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn.

**b. Nội dung**: Chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Phiếu tìm ý: Tìm hiểu đặc điểm nhân vật người thợ mộc trong “Đẽo cày giữa đường”**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các phương diện tiêu biểu của nhân vật | Các biểu hiện cụ thể trong tác phẩm | Nhận xét, đánh giá của em về nhân vật |
| Lai lịch |  |  |
| Hoàn cảnh |  |  |
| Ý nghĩ trước những lần được góp ý |  |  |
| Hành động sau mỗi lần được góp ý |  |  |
| Kết cục |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hướng dẫn HS thực hành viết văn bản nghị luận phân tích đặc điểm nhân vật trong một truyện ngụ ngôn**  **Thao tác 1: Hướng dẫn HS chuẩn bị**  GV hướng dẫn HS viết  Thảo luận cặp đôi trong bàn:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của đề bài:  + Về nội dung, đề bài yêu cầu HS bàn luận về vấn đề gì?  + Em có thể vận dụng các thao tác lập luận nào trong bài viết?  + Để bài viết thuyết phục, để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận, em sẽ lấy những dẫn chứng ở đâu?   * Mục đích bài viết và đối tượng người đọc mà em hướng tới là những ai?   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý:  + HS điền vào **Phiếu tìm ý** theo mẫu.  + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MB – TB – KB  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS làm việc cá nhân để hoàn thành Phiếu tìm ý, sau đó trao đổi cặp đôi để góp ý cho nhau.  + GV quan sát, động viên.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **II.Thực hành**  **Đề bài: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn *Đẽo cày giữa đường.***  **1. Bước 1: Chuẩn bị**  **a. Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề bài:**  **- Dạng bài:** nghị luận phân tích đặc điểm một nhân vật trong tác phẩm truyện.  **- Về nội dung:** Đặc điểm của nhân vật vật người thợ mộctrong văn bản *Đẽo cày giữa đường*  **- Về thao tác lập luận:** Sử dụng tổng hợp các thao tác lập luận để triển khai vấn đề nghị luận  **- Về phạm vi dẫn chứng:** Sử dụng dẫn chứng về nhân vật trong văn bản truyện.  **b. Mục đích bài viết, đối tượng người đọc**  - Mục đích bài viết: thuyết phục người đọc đồng tình ý kiến của em về nhân vật vật người thợ mộc trong văn bản *Đẽo cày giữa đường*.  - Đối tượng người đọc: Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến văn bản *Đẽo cày giữa đường* và nhân vật vật người thợ mộc  **2**. **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**  **a. Tìm ý**  **Phiếu tìm ý: Tìm hiểu đặc điểm nhân vật người thợ mộc trong “*Đẽo cày giữa đường*”**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Các Phương diện tiêu biểu của nhân vật | Các biểu hiện cụ thể trong tác phẩm | Nhận xét, đánh giá của em về nhân vật | | Lai lịch | Xưa, có anh chàng thợ mộc dốc hết vốn liếng ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày. | chí tiến thủ, có chí làm ăn. | | Hoàn cảnh | + Không gian: Bên vệ đường, nơi có nhiều người qua lại.  + Thời gian: cụ thể: “*Một hôm”, “mấy hôm sau”.* | - Bối cảnh cụ thể, gần gũi, dễ hình dung.   * Thuận tiện cho việc bán cày. | | Ý nghĩ trước những lần được góp ý | - Người góp ý thứ nhất: Phải đẽo cày cho cao, cho to thì mới dễ cày=>- Cho là phải->  .  - Người góp ý thứ hai: - Đẽo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới dễ cày. - Cho là “có lí” (là phải), ->  - Người góp ý thứ ba: - Đẽo cày cho thật cao, thật to gấp đôi, gấp ba để voi cày được. - Nghe nói được nhiều lãi, | - Biết lắng nghe ý kiến của người khác.  - Thiếu kiến thức.  - Dễ thay đổi, không có chủ kiến, không có lập trường, suy nghĩ không chín chắn. | | Hành động sau mỗi lần được góp ý | * đẽo->cày vừa to vừa cao   liền đẽo.  - đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp.  - Đẽo hết số gỗ còn lại loại cày để voi cày. | * đều làm theo một cách mù quáng, mà không có chính kiến để cân nhắc, xem xét những ý kiến đó có đúng hay phù hợp với công việc của mình như thế nào. | | Kết cục | =>Bao nhiêu gỗ hỏng hết, không ai mua cày, vốn liếng đi đời nhà ma. | Kiểu nhân vật phê phán, giúp mọi người tự rút ra bài học cho mình. |   **b. Lập dàn ý**  ***- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo một trình tự nhất định theo ba phần lớn của bài văn, gồm:***  **\* Mở bài:** Giới thiệu đặc điểm nổi bật của nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn *Đẽo cày giữa đường.*    **\* Thân bài:** Phân tích đặc điểm của nhân vật:  Lần lượt phân tích những đặc điểm nổi bật của nhân vật thông qua các chi tiết cụ thể trong tác phẩm (hoàn cảnh, cử chỉ,hành động, ý nghĩ, …)   * Nêu được nhận xét của em về nhân vật người thợ mộc \*Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật người thợ mộc dựa trên các bằng chứng trong truyện *Đẽo cày giữa đường*:   - **Lai lịch**:  Nhân vật người thợ mộc được giới thiệu ngay đầu truyện: *“Xưa, có anh chàng thợ mộc dốc hết vốn liếng ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày*”. Cách giới thiệu ngắn gọn, đủ thông tin, cho thấy anh ta là người có chí tiến thủ, có chí làm ăn. Mong muốn làm giàu của anh là rất chính đáng.  - **Bối cảnh nhân vật xuất hiện**:  Người thợ mộc được xây dựng trong một không gian cụ thể, gần gũi, dễ hình dung. Cách đặt nhân vật vào không gian: “Bên vệ đường, nơi có nhiều người qua lại”; thời gian cụ thể: “*Một hôm”, “mấy hôm sau”.* Điều này giúp tác giả dân gian xây dựng tình huống truyện, giúp cốt truyện phát triển. Từ đó, nhân vật bộc lộ tình cách*.*   * **Suy nghĩ:**   + trước những lần được góp ý của người khác người thợ mộc biết lắng nghe ý kiến, nhưng lại là người thiếu kiến thức nên anh ta luôn cho là phải, có lí…Thậm chí anh ta chẳng cần suy nghĩ và tin theo luôn.  + Tính cách: dễ thay đổi, không có chủ kiến, không có lập trường, suy nghĩ không chín chắn.  **- Hành động:** đều làm theo một cách mù quáng, mà không có chính kiến để cân nhắc, xem xét những ý kiến đó có đúng hay phù hợp với công việc của mình như thế nào.  **- Hậu quả:**  *Bao nhiêu gỗ hỏng hết, không ai mua cày, vốn liếng đi đời nhà ma*.  *=>* người thợ mộc mất hết cơ nghiệp**.**  **\*Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật:**  - Cách xây dựng nhân vật: gần gũi, sống động thông qua nhiều phương diện như ý nghĩ, hành động, việc làm.  - Tạo bối cảnh câu chuyện độc đáo.  - Các tình tiết truyện sắp xếp hợp lí, mức độ gay cấn tăng dần, tạo sức lôi cuốn.  - Kết cấu ngắn gọn, dễ hiểu, ý nghĩa sâu sắc.  - Cách kể bất ngờ hài hước, kín đáo.  **\*Nêu được ý nghĩa, bài học của hình tượng nhân vật:**  - Câu chuyện muốn khuyên nhủ mọi người biết giữ lập trường, quan điểm vững vàng, kiên định và bền chí để đạt được mục tiêu của mình.  - Khi đứng trước một quyết định của bản thân, chúng ta không nên dao động trước ý kiến của người khác. Cần phải biết lắng nghe, nhưng nghe một cách chọn lọc, có cân nhắc, có suy nghĩ đúng đắn.  - Thành ngữ*“Đẽo cày giữa đường”:* hàm ý chê bai người không có lập trường, chính kiến của bản thân,, luôn thay đổi theo ý kiến của người khác, cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì.  - **Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật. Liên hệ bản thân về cách ứng xử trong tình huống như vậy: Biết lắng nghe, phải cân nhắc lựa chọn ý kiến phù hợp,… |
| **Thao tác 3: Hướng dẫn HS viết bài**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh bài văn tại lớp  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS viết bài theo dàn ý đã lập.  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **3. Bước 3: Viết**   * Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết. * Chú ý:   + Bài viết đủ 3 phần  + Các luận điểm trong phần thân bài phải làm rõ cho vấn đề nêu ở đề bài.  + Cần nhìn nhận, phân tích nhân vật từ nhiều góc độ, trong một chỉnh thể trọn vẹn để có những nhận xét, đánh giá toàn diện, thuyết phục.  + Các dẫn chứng phải đúng, tiêu biểu và phong phú.  + Lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với vấn đề nghị luận. |
| **Thao tác 4: Hướng dẫn HS kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**   * GV yêu cầu HS đọc lại bài văn đã viết. * Kiểm tra và chỉnh sửa theo **Phiếu chỉnh sửa bài viết**   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:**  - HS báo cáo rút kinh nghiệm sau khi đã kiểm tra lại bài.  - HS khác nhận xét, góp ý cho bạn.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:**  **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu đối với văn bản nghị luận phân tích đặc điểm của nhân vật trong một tác phẩm văn học. | **4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện**  - Đọc kĩ bài viết của mình và đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở các bước để kiểm tra và chỉnh sửa theo **Phiếu chỉnh sửa bài viết**  - HS có thể tráo đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau. |

**Phiếu chỉnh sửa bài viết**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** | **Phần chỉnh sửa** |
| Giới thiệu nhân vật trong truyện ngụ ngôn. | Nếu chưa giới thiệu được nhân vật, hãy viết một vài câu giới thiệu nhân vật sẽ phân tích. |  |
| Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm | - Gạch dưới những nhận xét, đánh giá của em về nhân vật. Nếu chưa đầy đủ thì bổ sung.  - Đánh dấu dẫn chứng được trích dẫn trong bài viết. Nếu chưa hãy bổ sung. |  |
| Nhận xét nghệ thuật xây dựng nhân vật của truyện | * Đánh dấu những câu văn nhận xét, đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì viết thêm. |  |
| Nêu được ý nghĩa, bài học của hình tượng nhân vật | * Đánh dấu các câu văn nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật. Nếu chưa có, hãy viết thêm một vài câu nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật. |  |
| Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt. | * Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu, liên kết câu, liên kết đoạn,…). Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi. |  |

**Bài viết tham khảo:**

Trong học tập, công việc cũng như cuộc sống hàng ngày, khi làm việc mà chúng ta không có kiến thức, không có bản lĩnh vững vàng sẽ dễ rơi vào tình trạng hay thay đổi ý kiến và thấy ý kiến nào cũng đúng. Nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn *Đẽo cày giữa đường* là một nhân vật tiêu biểu.

Trước hết người đọc thấy được nhân vật người thợ mộc trong truyện là một người ham làm giàu, có chí lớn. Điều đó được thể hiện ở việc anh đã dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày. Nhân vật người thợ mộc được giới thiệu ngay đầu truyện: *“Xưa, có anh chàng thợ mộc dốc hết vốn liếng ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày*”. Cách giới thiệu ngắn gọn, đủ thông tin cho thấy người thợ mộc là người có chí tiến thủ, có chí làm ăn. Mong muốn làm giàu của anh là rất chính đáng.

Đọc truyện, chúng ta nhân thấy bốicảnh nhân vật xuất hiện người thợ mộc được xây dựng trong một không gian cụ thể, gần gũi, dễ hình dung. Cách đặt nhân vật vào không gian: *“Bên vệ đường, nơi có nhiều người qua lại*”; thời gian cụ thể: “*Một hôm”, “mấy hôm sau”.* Điều này giúp tác giả dân gian xây dựng tình huống truyện, giúp cốt truyện phát triển. Từ đó, nhân vật bộc lộ tính cách.

Vậy tính cách của người thợ mộc như thế nào? Anh ta có thành công với công việc đẽo cày giữa đường không? Ngồi đẽo cày nơi có nhiều người qua lại, hẳn là cơ hội để việc bán cày dễ dàng, nhưng đó cũng lad thử thách cho anh ta. Trước những lần được góp ý của người qua đường người thợ mộc biết lắng nghe ý kiến, nhưng lại là người thiếu kiến thức nên anh ta luôn cho “*là phải, có lí”* và nhất nhất làm theo*.*…Thậm chí anh ta chẳng cần suy nghĩ và tin theo luôn. Một ông cụ qua đường góp ý “*Phải đẽo cày cho cao, cho to thì mới dễ cày”*, người thợ mộc liền “*cho là phải*”. Rồi lại đến một bác nông dân cho rằng *“Đẽo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới dễ cày*” người thợ mộc cũng thấy có lí và làm theo. Rồi đến ý kiến khác cho rằng phải đẽo “*cày cho thật cao, thật to gấp đôi, gấp ba để voi cày được”.* Tất cả điều đó khẳng định người thợ mộc thiếu kiến thức, thiếu niềm tin vào chính mình. **Tính cách của anh ta thật dễ thay đổi, không có chủ kiến, không có lập trường, suy nghĩ không chín chắn.**

Trước những lời góp ý, **người thợ mộc trở thành người có hành động theo một cách mù quáng, mà không có chính kiến để cân nhắc, xem xét những ý kiến đó có đúng hay phù hợp với công việc của mình như thế nào**. Hành động và suy nghĩ sai lầm nên anh ta phải trả giá bằng cả gia nghiệp “B*ao nhiêu gỗ hỏng hết, không ai mua cày, vốn liếng đi đời nhà ma*”. Thông qua nhân vật anh thợ mộc, truyện ngụ ngôn đã khái quát được đặc điểm của một kiểu người trong xã hội: thiếu hiểu biết, thiếu bản lĩnh nên dễ thay đổi chính kiến của mình và kết quả không được như ý muốn

Nhân vật người thợ mộc để lại ấn tượng là nhờ vào cách xây dựng nhân vật gần gũi, sống động thông qua nhiều phương diện như ý nghĩ, hành động, việc làm. Truyện có bối cảnh độc đáo. Các tình tiết truyện sắp xếp hợp lí, mức độ gay cấn tăng dần, tạo sức lôi cuốn. Kết cấu ngắn gọn, dễ hiểu, ý nghĩa sâu sắc. Cách kể bất ngờ hài hước, kín đáo.

Từ câu chuyện, mỗi chúng ta cần rút cho mình bài học. Đó là cần biết giữ lập trường, quan điểm vững vàng, kiên định và bền chí để đạt được mục tiêu của mình. Khi đứng trước một quyết định của bản thân, chúng ta không nên dao động trước ý kiến của người khác. Cần phải biết lắng nghe, nhưng nghe một cách chọn lọc, có cân nhắc, có suy nghĩ đúng đắn. Từ đó, thành ngữ*“Đẽo cày giữa đường”*được nhân dân sử dụng khá phổ biến trong lời ăn tiếng nói chỉ hàm ý chê bai người không có lập trường, chính kiến của bản thân,, luôn thay đổi theo ý kiến của người khác, cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì.

Tóm lại, thông qua nhân vật người thợ mộc, truyện ngụ ngôn *Đẽo cày giữa đường* đã khái quát được đặc điểm của một kiểu người trong xã hội: thiếu hiểu biết, thiếu bản lĩnh nên dễ thay đổi chính kiến của mình và kết quả không được như ý muốn. Qua đây, chúng ta cần biết lắng nghe những ý kiến góp ý của người khác nhưng phải biết cân nhắc, chọn lọc được ý kiến phù hợp, đúng đắn, kết hợp giữa lời góp ý với ý kiến của bản thân để có một kết quả tốt đẹp. Tuy nhiên trong tập thể, ý kiến cá nhân là cần thiết nhưng không được đề cao cái tôi cá nhân quá, mà cần lắng nghe, cùng nhau xây dựng tập thể vững mạnh.

**Hướng dẫn về nhà:**

* Hoàn thiện bài viết theo yêu cầu.
* Chuẩn bị nội dung nói và nghe: Kể lại một truyện ngụ ngôn**.**

**Tiết 84:**

**NÓI VÀ NGHE**

**Kể lại truyện ngụ ngôn**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**\*Năng lực cốt lõi:** Nói và nghe

- Nói: Biết kể lại một truyện ngụ ngôn. Có thái độ và kĩ năng nói phù hợp.

- Nghe: Nắm được nội dung trình bày của người khác. Có thái độ và kĩ năng nghe phù hợp.

- Nói nghe tương tác: Biết tham gia thảo luận một vấn đề. Có thái độ và kĩ năng trao đổi phù hợp.

**\*Năng lực chung**

Giao tiếp và hợp tác: Tích cực trao đổi với các bạn trong tổ nhóm, trong lớp để trao đổi về một vấn đề

**2. Phẩm chất**

Nhân ái: Biết tôn trọng ý kiến của bạn trong quá trình nói, nghe

\* Giáo dục học sinh khuyết tật: Hs nói được một số đoạn trong bài

**II.THIẾT BỊ VÀ HỌC LIÊU**

**- Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu (Tivi)

**- Học liệu:** Truyện ngụ ngôn: Sưu tầm truyện ngụ ngôn yêu thích; Phiếu học tập**;** Sách giáo khoa, sách tham khảo.

**III. TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (5p)**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi hứng thú, kiến thức nền để học sinh bước vào giờ học

**b. Nội dung:** Giáo viên nêu tình huống có vấn đề để học sinh phát biểu ý kiến về cách xử trí

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời về cách xử trí tình huống

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

**Hãy kể lại một câu chuyện ngụ ngôn mà em yêu thích.**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS kể, HS khác nghe.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

* HS chia sẻ nhanh suy nghĩ về bài kể của bạn

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

**Dự kiến câu trả lời:**

Hs lựa chọn để được một truyện ngụ ngôn (có thể truyện trong SGK hoặc truyện do HS sưu tầm; GV khuyến khích HS có ý thức sưu tầm truyện ngụ ngôn ngoài SGK để kể)

GV dẫn vào bài: *Ở phần đọc hiểu, các em đã được tìm hiểu về một số câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng của văn học Việt Nam và văn học thế giới. Để mang câu chuyện ngụ ngôn đến với mọi người, chúng ta cần có kĩ năng kể lại một truyện ngụ ngôn. Vậy việc kểlại một truyện ngụ ngôn cần những yêu cầu gì để bài kể trở nên hấp dẫn. Tiết học nói và nghe hôm nay, chúng ta cùng rèn kĩ năng đó.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH (30p)**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được các yêu cầu chung của bài nói nghe trình kể lại một truyện ngụ ngôn.

**b. Nội dung**: HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe kể lại một truyện ngụ ngôn.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Hoạt động cá nhân: “Góc chia sẻ”**  HS đọc trước mục định hướng ở nhà, sau đó ghi lại những nội dung cần thắc mắc để trao đổi:  *- Bài kể lại một truyện ngụ ngôn nói cần chú ý những yêu cầu nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi trả lời các câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.** | **I. Định hướng**  a) Kể lại một truyện ngụ ngôn là hình thức dùng lời của em để kể cho người khác nghe về một câu chuyện đã học hay đã đọc. Truyện ngụ ngôn được kể lại có thể là truyện Việt Nam hoặc nước ngoài  b) Để kể lại một truyện ngụ ngôn, các em cần chú ý:  - Lựa chọn truyện ngụ ngôn mà em yêu thích.  - Bám sát cốt truyện nhưng kể lại bằng lời nói của người kể. Trong khi kể có thể kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ (cử chỉ, hành động, nét mặt, điệu bộ,...) để thể hiện được những suy nghĩ, cảm xúc và thái độ của mình sinh động hơn.  - Lập dàn ý cho bài kể  - Khi kể phải dùng từ ngữ chính xác, trình bày nội dung rõ ràng, mạch lạc; biết sử dụng ngữ điệu, điệu bộ để hỗ trợ, nhằm giúp cho người nghe tiếp nhận đạt hiệu quả cao nhất, sử dụng những cách nói thú vị, di dỏm, hài hước.  - Bảo đảm thời gian theo quy định. |

**Hoạt động 2.2: Thực hành**

***Đề bài***: **Kể lại truyện ngụ ngôn “*Ếch ngồi đáy giếng”.***

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP 01: Phiếu tìm ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Định hướng** | **Dự kiến** |
| *-* Truyện ngụ ngôn kể về sự kiện gì? | ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| *-* Truyện có nhân vật chính nào? | ……………………………………………………  ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| *-* Diễn biến câu chuyện (mở đầu, phát triển, kết thúc) ra sao? | ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| *-*  Bài học rút ra từ câu chuyện là gì? | ……………………………………………………  …………………………………………………… |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  **- GV giao nhiệm vụ**  **\*Bước 1: Chuẩn bị**  **Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**:  - Để kể lại được truyện *Ếch ngồi đáy giếng* em cần chuẩn bị như thế nào?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  *\*****Bước* 2: Tìm ý, lập dàn ý cho bài nói**  **Hoàn thành Phiếu học tập 01:Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:**  **? Hãy lập tìm ý, dàn ý cho bài nói của mình?**  - Dựa vào dàn ý bài viết, HS bổ sung, chỉnh sửa dàn ý cho bài nói (nếu cần thiết).  - Lập dàn ý cho bài nói.  - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **II. Thực hành**  **a. Chuẩn bị nội dung nói**  - Xem lại nội dung đọc hiểu truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng*  - Chuẩn bị tranh, ảnh và phương tiện trình bày (nếu có).  + Người nghe: các bạn trong lớp, cô/thầy giáo.  + Không gian: lớp học  + Thời gian: trình bày ý kiến trong khoảng 05 phút  - Bổ sung các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.  - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với phần trình bày bài nói.  - Bổ sung tranh ảnh, video,.. (nếu cần):  **b. Tìm ý, lập dàn ý**  **\* Tìm ý:**  - Truyện kể về sự kiện: ếch ở dưới giếng lâu ngày nên chỉ thấy bầu trời thông qua miệng giếng và thấy bầu trời bé bằng chiếc vung.  **-** Nhân vật chính: chú ếch  - Diễn biến câu chuyện:  + Mở đầu: giới thiệu chú ếch và hoàn cảnh sống  + phát triển: chú ếch kêu to, ra oai với mọi người và nghĩ mình là nhất. Một hôm ra khỏi giếng vẫn giữ thói hung hang ngang tàng  + kết thúc: bị trâu giẫm bẹp.  - Bài học: Môi trường sống nhỏ hẹp, tù túng, không giao lưu làm hạn chế hiểu biết về thế giới xung quanh. Sống lâu trong môi trường nhỏ hẹp sẽ dần hạn chế sự hiểu biết. Từ những hiểu biết hạn hẹp, dễ trở nên nông cạn, chủ quan, kiêu ngạo sẽ phải trả giá rất đắt.  \* **Lập dàn ý:**  **- Mở đầu**:  + Lời chào hỏi mở đầu.  + Giới thiệu khái quát về truyện ngụ ngôn Ếch ngồi đáy giếng.  Ví dụ: Truyện ngụ ngôn Ếch ngồi đáy giếng là một trong những truyện dân gian hay. Tác giả dân gian mượn chuyện loài vật để nêu lên bài học sâu sắc đối với con người.  - **Thân bài**: Lựa chọn và sắp xếp các ý tìm được từ truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* theo một trình tự hợp lí.  Ví dụ:  + Khi ếch ở trong giếng (hoàn cảnh sống, suy nghĩ và thái độ của ếch).  + Khi ếch ra ngoài giếng (môi trường sống đã thay đổi; hành động và thái độ của ếch; hậu quả).  - **Kết thúc:**  + Nhận xét, đánh giá chung về nhân vật con ếch trong câu chuyện.  + Nêu ý nghĩa và bài học cho bản thân từ truyện ngụ ngôn Ếch ngồi đáy giếng. |
| **\*Bước 3: Nói và nghe**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Em hãy tự tập luyện bằng cách:  - Đứng trước gương để tập trình bày bài nói.  - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**  - Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. | **c. Nói và nghe**  + Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước (trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân)  + Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giãi bày.  \* **Bảng tự kiểm tra bài nói:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Kể lại truyện *Ếch ngồi đáy giếng* trước tổ/ nhóm/ lớp… |  | | - Trình bày bằng lời nói, tránh viết thành văn để đọc, sử dụng cử chỉ, điệu bộ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp. |  | | - Chú ý điều chỉnh giọng điệu, cách trình bày; quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe |  | | Trả lời câu hỏi của người nghe |  | |
| **Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - Khi GV gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn.  - HS nói cần kiểm tra lại quá trình nói của mình đã phù hợp chưa (đối chiếu với yêu cầu của người nói để chỉnh sửa)   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **d. Kiểm tra, chỉnh sửa.**  \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | Người nói | Người nghe | | - Đối chiếu với dàn ý để xem xét nội dung truyện được kể đã đảm bảo các sự việc chưa  - Rút kinh nghiệm về cách phát biểu và hiệu quả sử dụng các phương tiện hỗ trợ.  - Xem xét lại nội dung, cách thức trả lời câu hỏi và ý kiến trao đổi với bạn. | - Hiểu đúng và tóm tắt được các thông tin từ người nói bằng văn bản.  - Tập trung ý kiến theo dõi người nói; thể hiện sự mạnh dạn, cầu thị và thái độ hòa nhã, lịch sự khi trao đổi với người nói. | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **NHÓM............................** | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt**  **(0 điểm)** | **Đạt**  **(1 điểm)** | **Tốt**  **(2 điểm)** |
| 1. Giới thiệu khái quát về truyện ngụ ngôn  *Ếch ngồi đáy giếng* | Chưa giới thiệu khái quát về truyện ngụ ngôn  *Ếch ngồi đáy giếng* | Có giới thiệu vấn đề nhưng chưa rõ ràng *Ếch ngồi đáy giếng* | Dẫn dắt và giới thiệu khái quát về truyện ngụ ngôn hấp dẫn  *Ếch ngồi đáy giếng* |
| 2. Lựa chọn và sắp xếp các sự việc của truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* theo một trình tự hợp lí. | Chưa biết lựa chọn và sắp xếp các sự việc của truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* theo một trình tự hợp lí. | Biết lựa chọn và sắp xếp các sự việc của truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* nhưng còn đôi chỗ chưa hợp lí. | Biết lựa chọn và sắp xếp các sự việc của truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* hợp lí hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, chủ động kể. | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần, phụ thuộc văn bản chuẩn bị sẵn | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu, chủ động kể | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng; chủ động kể |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | |

**Bài nói tham khảo:**

Bài tham khảo

|  |
| --- |
| **\* Chào hỏi, giới thiệu khái quát về truyện ngụ ngôn** Ếch ngồi đáy giếng:  Kính thưa thầy/ cô và các bạn, em tên là….lớp….trường…  Trong kho tàng truyện ngụ ngôn Việt Nam, truyện  Ếch ngồi đáy giếng là một trong những truyện giàu ý nghĩa đối với mỗi con người. Hình ảnh chú ếch tội nghiệp bị một con trâu đi ngang qua giẫm bẹp gây ám ảnh. Câu chuyện đặt ra bài học của con người khi mang trong mình thói huênh hoang, kiêu ngạo.  Truyện kể về con ếch sống lâu ngày dưới giếng, chung quanh nó chỉ có những con vật bé nhỏ và sợ chú ếch, chú lấy làm oai vệ và uy phong coi trời bằng vung. Ếch ta luôn nghĩ rằng mình là chúa tể. Bởi vì mỗi lần nó cất tiếng kêu là các con vật nhỏ bé trong giếng đều sợ hãi.  Một ngày nọ, do trời mưa to, nước trong giếng dâng cao tràn cả miệng giếng. Ếch ta bị đưa ra khỏi cái giếng. Vẫn giữ thói cũ, ếch nghênh ngang đi lại khắp nơi, cất tiếng kêu ồm ộp. Nó nhâng nháo, ngang tàng chẳng thèm để ý gì đến xung quanh. Và nó đã bị trâu giẫm bẹp.  Qua nhân vật ếch, truyện ngụ ngôn đem lại một bài học đắt giá là môi trường sống nhỏ hẹp, tù túng, không giao lưu làm hạn chế hiểu biết về thế giới xung quanh. Sống lâu trong môi trường nhỏ hẹp sẽ dần hạn chế sự hiểu biết. Từ những hiểu biết hạn hẹp, dễ trở nên nông cạn, chủ quan, kiêu ngạo sẽ phải trả giá rất đắt.  \***Kết thúc bài nói** *(Giọng lắng lại, nhẹ nhàng)*  Trên đây là bài kể của em về truyện ngụ ngôn Ếch ngồi đáy giếng, cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Rất mong nhận được sự góp ý từ thầy cô và các bạn. |

1. **HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ BÀI 6**

**Văn bản 1: THẦY BÓI XEM VOI**

**1. Mục tiêu:**

Vận dụng năng lực đọc, viết đã được hình thành trong bài học 6 để tự đánh giá, thực hành qua việc thực hành đọc hiểu văn bản “*Thầy bói xem voi*”

**2. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập

**4. Tổ chức hoạt động**

Học sinh tự thực hành ở nhà nhiệm vụ học tập theo yêu cầu SGK về bài “*Thầy bói xem voi*”

GV yêu cầu HS tự thực hành đánh giá bài “*Thầy bói xem voi*” theo yêu cầu SGK.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện cá nhân ở nhà

**Bước 3: Báo cáo,thảo luận**

HS gửi kết quả bài làm cho GV qua Zalo, gmail...

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV đánh giá, góp ý

HS tự đánh giá năng lực đọc hiểu của bản thân theo đáp án.

**I. Trắc nghiệm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** |
| **ĐA** | **C** | **D** | **A** |

### **Câu 4:** Kể lại một chi tiết mà em thích nhất trong truyện ngụ ngôn *Thầy bói xem voi*

***Gợi ý:*** Truyện ngụ ngôn Thầy bói xem voi là một trong những truyện dân gian hay. Tác giả dân gian mượn chuyện loài vật để nêu lên bài học sâu sắc đối với con người. Trong truyện em thích nhất chi tiết cuối truyện là thầy nào cũng cho là mình đúng, không ai chịu ai thành ra đánh nhau toác đầu chảy máu. Em thích nhất chi tiết đó là bởi chính sự thiếu hiểu biết và bảo thủ của các thầy dẫn đến hậu quả đáng tiếc. Chi tiết đó mang lại tiếng cười chua chát, phê phán những con người có cái nhìn phiến diện và bảo thủ.

**Văn bản 2: TỤC NGỮ**

**1. Mục tiêu:**

Vận dụng năng lực đọc, viết đã được hình thành trong bài học 6 để tự đánh giá, thực hành qua việc thực hành đọc hiểu văn bản T*ục ngữ.*

**2. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập

**4. Tổ chức hoạt động**

**Bước 1:**

Học sinh tự thực hành ở nhà nhiệm vụ học tập theo yêu cầu SGK về văn bản T*ục ngữ.*

GV yêu cầu HS tự thực hành đánh giá bài T*ục ngữ* theo yêu cầu SGK.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện cá nhân ở nhà

**Bước 3: Báo cáo,thảo luận**

HS gửi kết quả bài làm cho GV qua Zalo, gmail...

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV đánh giá, góp ý

HS tự đánh giá năng lực đọc hiểu của bản thân theo đáp án.

**I. Trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| **ĐA** | **B** | **A** | **A** | **B** |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ BÀI 6**

- Học sinh hoàn thành việc tự đánh giá

- Đọc thêm một số truyện ngụ ngôn, tục ngữ đã học ở bài 6. Với mỗi truyện ngụ ngôn hãy ghi lại ngắn gọn điều mà em thích hoặc ấn tượng nhất.

- Đọc và sưu tầm thêm một số truyện ngụ ngôn và tục ngưc theo chủ đề đã học tư sách, báo, Internet,...

- Chuẩn bị bài học mới: Tìm hiểu tri thức ngữ văn cho Bài 7, chuẩn bị câu hỏi đọc hiểu văn bản “*Những cánh buồm”* (Hoàng Trung Thông).